CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG QUY NHƠN
Số 03 Nguyễn Dữ, P. Hải Cảng, Tp. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định
Điện thoại: 0256.3893888 Fax: 0256.3893888
Website: www.quynhonnewport.vn

TÀI LIỆU

TẠI CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

Bình Định, tháng 4/2021

Signed by: CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG QUY NHƠN
Date: 2021.04.06 08:46:45

MỤC TÀI LIỆU

TT	Nội dung	Trang
1	Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông	1
2	Dự thảo Quy chế làm việc tại cuộc họp	2
3	Tờ trình về việc thông qua danh sách Đoàn Chủ tịch, Thư ký và Ban kiểm phiếu tại cuộc họp	5
4	Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2020 và Kế hoạch năm 2021	6
5	Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2020 và Kế hoạch năm 2021	9
6	Tờ trình về việc thông qua Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát	12
7	Tờ trình về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021	16
8	Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2020 và Kế hoạch năm 2021 của Ban Giám đốc	17
9	Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán	19
10	Tờ trình về việc phê duyệt phương án phân phối lợi nhuận năm 2020 và thù lao HĐQT, BKS năm 2021	50
11	Tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty	51
12	Tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị công ty	59
13	Tờ trình về việc thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị	62
14	Phiếu biểu quyết tại cuộc họp	66
15	Dự thảo Biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021	67
16	Dự thảo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021	71

CHƯƠNG TRÌNH

HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG QUY NHƠN

Thời gian họp: Từ 07h15 đến 10h30 ngày 27 tháng 4 năm 2021
Địa điểm: Tầng 8, Khách sạn Sài Gòn Quy Nhơn

Thời gian	Nội dung	Thực hiện
07h15-07h45	- Đón tiếp đại biểu, cổ đông - Kiểm tra tư cách cổ đông, phát tài liệu, lập danh sách các cổ đông đăng ký tham dự họp	Ban tổ chức
07h45-08h00	- Ổn định tổ chức - Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông dự họp - Chào cờ, tuyên bố lý do và giới thiệu thành phần tham dự - Phát biểu khai mạc cuộc họp	Ban tổ chức Ban kiểm tra tư cách cổ đông Ban tổ chức Chủ tịch HĐQT
08h00-08h10	- Thông qua Chương trình, Quy chế làm việc, danh sách Đoàn Chủ tịch, Tổ Thư ký và Ban kiểm phiếu tại cuộc họp - Đại hội cho ý kiến biểu quyết thông qua	Giám đốc
08h10-08h15	- Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2020 và kế hoạch năm 2021	HĐQT
08h15-08h30	- Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2020 và kế hoạch năm 2021; - Tờ trình về việc thông qua Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát; - Tờ trình về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021	BKS
08h30-08h40	- Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2020 và kế hoạch năm 2021; Báo cáo tài chính năm 2020	Giám đốc
08h40-09h00	- Tờ trình về việc phê duyệt phương án phân phối lợi nhuận năm 2020 và thù lao HĐQT, BKS năm 2021; - Tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty; - Tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị công ty; - Tờ trình về việc thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị	HĐQT
09h00-09h20	- Đại hội thảo luận	Đoàn chủ tịch
09h20-09h30	- Biểu quyết thông qua từng vấn đề bằng Phiếu biểu quyết	Đại hội
09h30-10h00	- Đại hội nghỉ giải lao	Ban tổ chức
10h00-10h10	- Báo cáo kết quả kiểm phiếu biểu quyết các vấn đề	Ban kiểm phiếu
10h10-10h30	- Thông qua Biên bản và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông - Bế mạc cuộc họp.	Thư ký cuộc họp Chủ tịch HĐQT

BAN TỔ CHỨC

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG QUY NHƠN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bình Định, ngày 27 tháng 4 năm 2021

DỰ THẢO

QUY CHẾ LÀM VIỆC

TẠI CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG QUY NHƠN

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Tân cảng Quy Nhơn.

Ban Tổ chức cuộc họp kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Quy chế làm việc tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 như sau:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng cho việc tổ chức và điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 (gọi tắt là Đại hội) của Công ty Cổ phần Tân cảng Quy Nhơn.

Quy chế này quy định cụ thể quyền và nghĩa vụ của cổ đông, đại diện cổ đông và các bên tham dự cuộc họp, điều kiện, thể thức tiến hành cuộc họp và biểu quyết thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ đông, đại diện cổ đông và các bên tham gia cuộc họp có trách nhiệm thực hiện theo các quy định tại Quy chế này.

Điều 2. Điều kiện tiến hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số Cổ đông dự họp đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của các Cổ đông tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

Các Cổ đông Công ty có tên trong danh sách chốt ngày 26/3/2021 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 - Công ty Cổ phần Tân cảng Quy Nhơn.

Mỗi Cổ đông hoặc Người đại diện theo ủy quyền khi tới tham dự cuộc họp nhận Thẻ biểu quyết và Phiếu biểu quyết có Mã số cổ đông, tổng số cổ phần sở hữu và/hoặc đại diện sở hữu có quyền biểu quyết.

Các Cổ đông đến dự họp muộn hơn thời gian quy định có quyền đăng ký tham dự họp và tham gia biểu quyết nhưng hiệu lực các kết quả biểu quyết trước đó không bị ảnh hưởng.

Trong thời gian diễn ra cuộc họp, các Cổ đông phải tuân thủ theo sự hướng dẫn của Chủ tọa cuộc họp, ứng xử văn minh, lịch sự, không gây mất trật tự.

Cổ đông, Người đại diện theo ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp hành nghiêm chỉnh Quy chế làm việc tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của Đoàn Chủ tịch Đại hội đồng cổ đông

Chủ trì và điều hành các hoạt động của cuộc họp theo chương trình đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Trình Đại hội đồng cổ đông các Báo cáo và Tờ trình tại cuộc họp.

Hướng dẫn Đại hội đồng cổ đông thảo luận.

Trả lời những vấn đề do Đại hội đồng cổ đông yêu cầu.

Trình dự thảo, kết luận những vấn đề cần thiết để Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua.

Tiến hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ, có trật tự và phản ánh được mong muốn của đa số Cổ đông và Người đại diện theo ủy quyền tham dự.

Điều 5. Trách nhiệm của Tổ Thư ký

Tổ Thư ký ghi chép đầy đủ và trung thực các nội dung của cuộc họp.

Lập và thông qua Đại hội đồng cổ đông Biên bản cuộc họp.

Hỗ trợ Chủ tọa công bố các văn bản, kết luận hoặc gửi thông báo của Chủ tọa cuộc họp đến các Cổ đông khi được yêu cầu.

Điều 6. Trách nhiệm của Ban Kiểm tra Tư cách Cổ đông và Ban Kiểm phiếu

Ban Kiểm tra tư cách cổ đông do Hội đồng quản trị quyết định thành lập. Ban Kiểm tra tư cách Cổ đông có nhiệm vụ kiểm tra tư cách Cổ đông tham dự họp và báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả thẩm tra tư cách Cổ đông.

Ban Kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông thông qua. Ban Kiểm phiếu có các nhiệm vụ ghi nhận kết quả biểu quyết của Cổ đông đối với các vấn đề được lấy ý kiến thông qua tại cuộc họp, tổng hợp và báo cáo kết quả biểu quyết từng vấn đề để công bố cho Đại hội đồng cổ đông.

Điều 7. Phát biểu ý kiến trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

Cổ đông khi phát biểu hoặc cần tranh luận thì giơ Thẻ biểu quyết hoặc giơ tay. Để thuận tiện việc ghi vào biên bản, khi được mời phát biểu thì Cổ đông giới thiệu tên và mã số cổ đông. Nội dung ý kiến cần ngắn gọn, tránh trùng lặp.

Điều 8. Biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Nguyên tắc biểu quyết:

- Cổ đông biểu quyết các vấn đề tại cuộc họp bằng Phiếu biểu quyết hoặc Thẻ biểu quyết tùy theo vấn đề được quy định tải Khoản 2 của Điều này.
- Cổ đông, Người đại diện theo ủy quyền tham dự cuộc họp đều có quyền biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, quyền biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu và/hoặc đại diện sở hữu.
- Mỗi cổ đông được cấp 01 Thẻ Biểu quyết và 01 Phiếu biểu quyết trong đó ghi tên cổ đông, đại diện được ủy quyền, số cổ phần có quyền biểu quyết (tổng số cổ phần sở hữu và/hoặc đại diện sở hữu) của cổ đông và có đóng dấu treo của Công ty Cổ phần Tân Cảng Quy Nhơn.

2. Cách thức biểu quyết:

– **Biểu quyết bằng cách giơ Thẻ biểu quyết:** Đối với những vấn đề mang tính chất thủ tục như: Thông qua Chương trình, Quy chế làm việc tại cuộc họp; Thông qua nhân sự Đoàn chủ tich, Thư ký đại hội, Ban Kiểm phiếu; Thông qua quy chế bầu cử; Thông qua Biên bản cuộc họp, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các cổ đông tham dự họp biểu quyết bằng cách giơ Thẻ biểu quyết (khi được Chủ tọa hỏi ý kiến: Tán thành hay Không tán thành); những cổ đông không giơ Thẻ biểu quyết được xem như không có ý kiến về vấn đề cần biểu quyết.

– **Biểu quyết bằng cách ghi Phiếu biểu quyết:** Phiếu biểu quyết được sử dụng khi các cổ đông biểu quyết thông qua các báo cáo, tờ trình tại cuộc họp. Cổ đông thực hiện biểu quyết như sau:

+ Cổ đông hoặc Người đại diện được ủy quyền thực hiện việc biểu quyết để ***Tán thành,*** hoặc ***Không tán thành,*** hoặc ***Không có ý kiến*** một vấn đề bằng cách Cổ đông đánh dấu "X"

vào ô tương ứng trong Phiếu biểu quyết theo trình tự: "Tán thành", "Không tán thành" và "Không có ý kiến". Sau khi biểu quyết hết các nội dung, Cổ đông biểu quyết ký tên vào Phiếu biểu quyết và bỏ vào thùng phiếu, Ban Kiểm phiếu thu hồi Phiếu biểu quyết của Cổ đông để thống kê kết quả.

+ Trường hợp thay đổi ý kiến, cổ đông ký nháy bên cạnh ô lấy ý kiến lựa chọn cuối cùng để tránh giả mạo.

– **Phiếu biểu quyết không hợp lệ là các phiếu:**

+ Phiếu biểu quyết không do Công ty Cổ phần Tân Cảng Quy Nhơn phát hành và không có dấu treo của Công ty;

+ Phiếu để trống mọi ô vuông lấy ý kiến hoặc điền vào nhiều hơn một ô vuông lấy ý kiến.

+ Phiếu sửa chữa, gạch xóa hoặc điền vào nhiều hơn một ô vuông lấy ý kiến mà không có chữ ký nháy của cổ đông bên cạnh ô vuông được đánh dấu.

+ Phiếu không có chữ ký của Cổ đông.

– **Mỗi cổ phần sở hữu hoặc đại diện sở hữu ứng với một quyền biểu quyết.**

3. Điều kiện thông qua Đại hội đồng cổ đông:

Các vấn đề tại cuộc họp lần này được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 51% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành.

Điều 9. Biên bản và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

Tất cả nội dung tại cuộc họp phải được Thư ký ghi thành biên bản. Biên bản và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi bế mạc cuộc họp.

Điều 10. Hiệu lực thi hành

Quy chế này có hiệu lực sau khi được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua.

BAN TỔ CHỨC CUỘC HỌP

CÔNG TY CỔ PHẦN **TÂN CẢNG QUY NHƠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 22/TTr-HĐQT	*Bình Định, ngày 31 tháng 3 năm 2021*

TỜ TRÌNH

V/v Thông qua danh sách Đoàn Chủ tịch, Thư ký và Ban Kiểm phiếu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Tân cảng Quy Nhơn.

Để cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 được tiến hành theo đúng quy định, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua danh sách Đoàn Chủ tịch, Thư ký và Ban Kiểm phiếu tại cuộc họp như sau:

1. Đoàn Chủ tịch:

- Ông Nguyễn Hữu Phúc	- Chủ tịch HĐQT	- Chủ tọa
- Ông Nguyễn Tín Dân	- Thành viên HĐQT	- Thành viên
- Ông Phạm Văn Thành	- Thành viên HĐQT/Giám đốc	- Thành viên

2. Thư ký Đại hội:

- Ông Mai Quang Cường	- Kế toán trưởng	- Thư ký cuộc họp

3. Ban kiểm phiếu:

- Ông Võ Văn Nhanh	- P.TP KD & ĐĐKT	- Trưởng ban
- Ông Tống Khánh Trình	- Điều độ viên	- Thành viên
- Ông Trần Duy Thắng	- Điều độ viên	- Thành viên

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua./.

Nơi nhận:
- Đại hội đồng cổ đông;
- Lưu TCHC.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG QUY NHƠN

Nguyễn Hữu Phúc

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG QUY NHƠN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 23/BC-HĐQT	*Bình Định, ngày 31 tháng 3 năm 2021*

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
TẠI CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

Kính thưa Quý vị Cổ đông!

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Tân cảng Quy Nhơn xin trân trọng báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2020 và kế hoạch năm 2021, cụ thể như sau:

I. CÁC HOẠT ĐỘNG NĂM 2020

1. Cơ cấu tổ chức hoạt động

Hội đồng quản trị thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các nhiệm vụ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông; quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty; đồng thời chỉ đạo, giám sát Ban Điều hành triển khai thực hiện.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Tân cảng Quy Nhơn năm 2020 gồm các thành viên:

1.	Ông Nguyễn Hữu Phúc	- Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 25/4/2019
2.	Ông Nguyễn Tín Dân	- Thành viên	Bổ nhiệm ngày 21/4/2017
3.	Ông Phạm Văn Thành	- Thành viên	Bổ nhiệm ngày 25/4/2019

2. Các cuộc họp và quyết định

Trong năm 2020, Hội đồng quản trị đã tổ chức các cuộc họp và lấy ý kiến biểu quyết của các thành viên nhằm tăng cường công tác quản trị, bám sát tình hình hoạt động kinh doanh, đầu tư của Công ty.

Các quyết định của Hội đồng quản trị trong năm 2020 cụ thể như sau:

- Thông qua phương án đầu tư xây dựng và hợp tác khai thác hạ tầng mở rộng mặt bằng sau cầu cảng. Theo đó, Công ty sẽ đầu tư cải tạo kè sau cầu cảng, tạo mặt bằng mở rộng thêm 2,7m và hợp tác với Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn khai thác hạ tầng mở rộng với mục đích nhằm đáp ứng cho nhu cầu khai thác cầu cảng, giảm ùn tắc, tăng năng suất xếp dỡ container, thuận tiện cho việc di chuyển của xe container và đảm bảo an toàn giao thông;

- Thống nhất di dời 02 cột điện chiếu sáng cầu cảng để phục vụ cho việc mở rộng mặt bằng sau cầu cảng;

- Phê duyệt các nội dung liên quan đến công tác đầu tư xây dựng Công trình Văn phòng Công ty, Công trình Cải tạo gia cố kè sau cầu cảng và Công trình Di dời 02 cột điện chiếu sáng cầu cảng;

Quyết định về thời gian chốt danh sách cổ đông và thời điểm họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 là ngày 17/4/2020;

Thông qua các nội dung, báo cáo, tờ trình tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020;

Quyết định việc tạm hoãn và gia hạn thời gian họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 do ảnh hưởng dịch Covid - 19;

- Quyết định về thời gian chốt danh sách cổ đông và thời điểm họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 là ngày 26/6/2020; Bổ sung nội dung chương trình họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 việc thay đổi địa chỉ trụ sở Công ty từ số 02 đường Phan Chu Trinh sang số 03 đường Nguyễn Dữ, P. Hải Cảng, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định;

- Quyết định về việc chi trả cổ tức năm 2019: Ngày 10/7/2020 chốt danh sách cổ đông, tỷ lệ chi trả cổ tức 16% và ngày 10/8/2020 thanh toán cổ tức;

- Quyết định việc lập lại Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Đầu tư xây dựng công trình cầu cảng container 30.000DWT theo yêu cầu của UBND tỉnh Bình Định.

3. Thù lao

Các thành viên Hội đồng quản trị đã nhận thù lao năm 2020 theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2020 là 103,2 triệu đồng, cụ thể:

- Chủ tịch Hội đồng quản trị: 3,8 triệu đồng/tháng

- Thành viên Hội đồng quản trị: 2,4 triệu đồng/người/tháng

4. Kết quả giám sát đối với Giám đốc Công ty và các cán bộ quản lý khác

Căn cứ Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty và những quy chế, quy định đã ban hành, Hội đồng quản trị thực hiện chức năng giám sát bộ máy quản lý và điều hành Công ty một cách thường xuyên, liên tục, kết quả như sau:

- Giám đốc đã thực hiện đúng chức năng và nhiệm vụ được ghi trong Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị công ty; tổ chức triển khai thực hiện theo đúng các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị, kịp thời và hiệu quả trong việc báo cáo, đề xuất các vấn đề về tổ chức thực hiện để Hội đồng quản trị xem xét quyết định đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế.

- Đối với các cán bộ quản lý khác đều thực hiện tốt chức năng nhiệm vụ được phân công.

5. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2020

Tổng doanh thu là:	41,24 tỷ đồng, đạt 99% kế hoạch;
Tổng chi phí là:	13,15 tỷ đồng, đạt 95,1% kế hoạch;
Lợi nhuận sau thuế là:	27,10 tỷ đồng, đạt 102,3% kế hoạch.

Với kết quả như trên, mức cổ tức năm 2020 chi trả cho cổ đông đảm bảo đạt được từ 16% trở lên theo kế hoạch đề ra.

II. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2021

- Định hướng chiến lược đầu tư và chỉ đạo xây dựng kế hoạch kinh doanh phù hợp với tình hình thực tế nhằm đảm bảo cho sự phát triển bền vững của Công ty và lợi ít tốt nhất cho Cổ đông;

- Chỉ đạo Ban điều hành thực hiện tốt công tác quản lý và điều hành các hoạt động của Công ty trên tinh thần Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021;

- Chi đạo và tăng cường công tác kiểm tra giám sát đối với Ban Điều hành, nhằm đảm bảo việc triển khai Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị được thực hiện kịp thời và có hiệu quả;

- Tổ chức họp định kỳ theo quy định tại Điều lệ Công ty, sẵn sàng tiếp thu những ý kiến đóng góp và tiếp nhận, xử lý kịp thời các kiến nghị, khiếu nại của cổ đông (nếu có).

Trên đây là báo cáo về tình hình tổ chức, hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Tân cảng Quy Nhơn trong năm 2020 và định hướng hoạt động trong năm 2021. Hội đồng quản trị sẽ tiếp tục nỗ lực hết mình trong công tác quản trị Công ty, nhằm hoàn thành tốt những mục tiêu Đại hội đồng cổ đông đề ra.

Xin chân thành cảm ơn và kính chúc toàn thể quý vị cổ đông sức khoẻ, hạnh phúc và thành đạt.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG QUY NHƠN

Nguyễn Hữu Phúc

Nơi nhận:
- Đại hội đồng cổ đông;
- Lưu TCHC.

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG QUY NHƠN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 24/BC-BKS	*Bình Định, ngày 31 tháng 3 năm 2021*

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT
TẠI CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Tân cảng Quy Nhơn.

Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Tân cảng Quy Nhơn kính trình Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2020 và kế hoạch hoạt động năm 2021, như sau:

I. CÁC HOẠT ĐỘNG NĂM 2020

1. Cơ cấu tổ chức và hoạt động

1. Ông Nguyễn Kim Toàn	- Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 21/4/2017
2. Ông Trịnh Xuân Sơn	- Thành viên	Bổ nhiệm ngày 21/4/2017
3. Ông Trần Hữu Hiếu	- Thành viên	Bổ nhiệm ngày 21/4/2017

Ban kiểm soát đã thực hiện các chức năng và quyền hạn của mình theo quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty, cụ thể:

- Giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty;

- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;

- Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị, Ban Điều hành và trình Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên;

- Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của công ty.

2. Kết quả giám sát Hội đồng quản trị và Ban Điều hành Công ty

- Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị đã triển khai thực hiện nghiêm túc các nội dung theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, chỉ đạo và giám sát chặt chẽ Ban Điều hành trong việc điều hành mọi hoạt động của Công ty;

Hội đồng quản trị đã tiến hành họp định kỳ, họp đột xuất hoặc lấy ý kiến các thành viên theo quy định để thông qua các nội dung kịp thời cho hoạt động kinh doanh, hoạt động đầu tư của Công ty; các Nghị quyết/Quyết định đã ban hành đúng chức năng, quyền hạn, kịp thời, phù hợp với Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật.

- Ban Điều hành:

Ban Kiểm soát đánh giá cao những cố gắng của Ban Điều hành trong việc tổ chức điều hành hoạt động kinh doanh, hoạt động đầu tư của Công ty.

Trong phạm vi quyền hạn của mình, Ban Điều hành đã tổ chức mọi hoạt động của Công ty theo đúng quy định hiện hành và đảm bảo hiệu quả nhất. Những vấn đề vượt

thẩm quyền, Ban Điều hành đều báo cáo để Hội đồng quản trị quyết định và chỉ đạo kịp thời.

3. Sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Ban Điều hành và các cổ đông

Ban Kiểm soát ghi nhận sự phối hợp của Hội đồng quản trị và Ban Điều hành Công ty, luôn nhận được đầy đủ thông tin về kế hoạch, tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh của công ty.

Ban Kiểm soát đã chủ động phối hợp hoạt động chặt chẽ và thường xuyên với Hội đồng quản trị, Ban Điều hành và đã được Hội đồng quản trị và Giám đốc Công ty tạo mọi điều kiện thuận lợi để hoàn thành nhiệm vụ.

Trong năm 2020, Ban Kiểm soát không phát hiện điều gì bất thường trong công tác quản lý điều hành của Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty và các chức danh quản lý khác trong Công ty; không nhận được bất kỳ đơn thư, khiếu kiện nào có liên quan đến bất kỳ thành viên nào của Hội đồng quản trị và Ban Điều hành Công ty.

4. Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính Công ty

- Hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm 2020 đã được tổ chức thực hiện theo đúng kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp thường niên năm 2020.

Kết quả các chỉ tiêu kết quả kinh doanh năm 2020, như sau: *ĐVT: đồng*

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ
1	Tổng doanh thu	41.738.000.000	41.236.035.000	98,8%
2	Tổng chi phí	13.825.000.000	13.07.374.000	94,6%
3	Chi phí khác		77.186.000	
4	Lợi nhuận trước thuế	27.913.000.000	28.085.109.000	100,6%
5	Thuế TNDN	1.413.000.000	983.535.000	69,6%
6	Lợi nhuận sau thuế	26.500.000.000	27.101.574.000	102,3%
7	Cổ tức	≥ 16%	Theo NQ ĐHĐCĐ	

- Công ty thực hiện công tác kế toán theo đúng chế độ kế toán hiện hành, các số liệu được ghi nhận đầy đủ, chính xác, trung thực và hợp lý; Báo cáo tài chính năm 2020 đã được Công ty TNHH Kiểm toán – Tư vấn Đất Việt kiểm toán theo quy định.

Các chỉ tiêu cơ bản trên Báo cáo tài chính năm 2020, như sau: *ĐVT: Đồng*

TT	Khoản mục	Số cuối năm	Số đầu năm	Biến động
1	Tài sản ngắn hạn	26.186.308.036	19.988.000.000	+31,01%
2	Tài sản dài hạn	149.052.410.233	153.423.000.000	-2,85%
3	Nợ phải trả	6.056.269.880	13.332.000.000	-54,57%
4	Vốn chủ sở hữu	169.182.448.389	160.079.000.000	+5,69%
5	Tổng Tài sản (Ng.vốn)	175.238.718.269	173.411.000.000	+1,05%

- Công tác đầu tư xây dựng:

+ Hoàn thành đầu tư xây dựng công trình Trụ sở làm việc và chuyển Văn phòng Công ty về tại địa chỉ số 03 đường Nguyễn Dữ, phường Hải Cảng, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

+ Hoàn thành đầu tư xây dựng mở rộng mặt bằng sau cầu cảng theo phương án cải tạo gia cố kè sau cầu cảng.

+ Các hạng mục công trình còn lại thuộc giai đoạn 2 của Dự án đầu tư xây dựng công trình cầu cảng container 30.000DWT vẫn chưa thể thực hiện được do chưa có sự đồng ý của UBND tỉnh Bình Định. Hiện nay đang thuê tư vấn lập lại Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án theo yêu cầu của UBND tỉnh Bình Định.

5. Thù lao Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát đã nhận thù lao theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 là 32.400.000 đồng, cụ thể:

- Trưởng Ban kiểm soát: 1,3 triệu đồng/tháng;
- Thành viên BKS: 0,7 triệu đồng/người/tháng.

II. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2021

- Ban Kiểm soát sẽ thực hiện các chức năng và quyền hạn của theo quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty; Kiểm tra, giám sát Hội đồng quản trị và Ban Điều hành trong việc tuân thủ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên đảm bảo quyền lợi tối ưu nhất cho Cổ đông;
- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;
- Thẩm định Báo cáo tài chính và báo cáo tình hình kinh doanh năm 2021.

Trên đây là báo cáo của Ban Kiểm soát Công ty về kết quả hoạt động năm 2020 và kế hoạch năm 2021.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua!

Nơi nhận:
- Đại hội đồng cổ đông;
- Lưu TC-HC.

TM. BAN KIỂM SOÁT
Trưởng ban

Nguyễn Kim Toàn

CÔNG TY CỔ PHẦN **TÂN CẢNG QUY NHƠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 25/TTr-BKS	*Bình Định, ngày 31 tháng 3 năm 2021*

TỜ TRÌNH

V/v thông qua Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;

Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Tân cảng Quy Nhơn đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát theo quy định về quản trị công ty áp dụng cho Công ty đại chúng.

Chi tiết nội dung Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát dự thảo đính kèm.

Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.

Nơi nhận: - Đại hội đồng cổ đông; - Lưu TC-HC.	**TM. BAN KIỂM SOÁT** **Trưởng ban** **Nguyễn Kim Toàn**

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG QUY NHƠN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: /QC-BKS	*Bình Định, ngày tháng 4 năm 2021*

DƯ THẢO

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Căn cứ Luật Chứng khoán hiện hành; Luật Doanh nghiệp hiện hành;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Tân cảng Quy Nhơn;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 27 tháng 4 năm 2021.

Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Tân cảng Quy Nhơn ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát bao gồm các nội dung sau:

CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát, các thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định khác có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát được áp dụng cho Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát: Ban kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Ban kiểm soát chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các công việc, quyết định của Ban kiểm soát.

CHƯƠNG II: THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Điều 3. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát: Theo quy định tại Điều 48. “Nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát” của Điều lệ Công ty.

Điều 4. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát: Theo quy định tại Điều 44. “Ban kiểm soát” của Điều lệ Công ty.

Điều 5. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát: Theo quy định tại Điều 45. “Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát” của Điều lệ Công ty.

Điều 6.Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

2. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.

3. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát do Điều lệ Công ty quy định.

Điều 7. Ứng cử, đề cử; cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên BKS

- Ứng cử, đề cử; cách thức bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Điều 24. "Ứng cử, đề cử và cách thức bầu thành viên Ban kiểm soát” của Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

- Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 8. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

Theo quy định tại Điều 25.“Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát” của Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Điều 9. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban kiểm soát, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban kiểm soát được công bố bao gồm:

a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

b) Trình độ chuyên môn;

c) Quá trình công tác;

d) Các chức danh quản lý khác;

đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;

e) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Ban kiểm soát (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

CHƯƠNG III: BAN KIỂM SOÁT

Điều 10. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát: Theo quy định tại Điều 46. “Quyền và nhiệm vụ của ban kiểm soát” của Điều lệ Công ty.

Điều 11. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát: Theo quy định tại Điều 47. “Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát” của Điều lệ Công ty.

Điều 12. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông: Theo quy định tại khoản 3, 5, 7 và 8, Điều 20. “Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông” của Điều lệ Công ty.

CHƯƠNG IV: CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT

Điều 13. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 14. Biên bản họp Ban kiểm soát

Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

CHƯƠNG V: BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH

Điều 15. Trình báo cáo hàng năm:

1. Báo cáo về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng

quản trị, Giám đốc để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

2. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát; Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát.

3. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban kiểm soát; kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty.

4. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

5. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Giám đốc và những người điều hành doanh nghiệp khác; Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Giám đốc và các cổ đông.

6. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

Điều 16.Tiền lương và quyền lợi khác: Theo quy định tại Điều 49. “Thù lao và lợi ích khác của kiểm soát viên” của Điều lệ Công ty.

Điều 17. Công khai các lợi ích liên quan: Theo quy định tại Điều 41. "Công khai các lợi ích liên quan” của Điều lệ Công ty.

CHƯƠNG VI: MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 18. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát: Các thành viên Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định pháp luật và Điều lệ công ty. Trưởng Ban kiểm soát là người điều phối công việc chung của Ban kiểm soát nhưng không có quyền chi phối các thành viên Ban kiểm soát.

Điều 19. Mối quan hệ với Ban điều hành: Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Ban điều hành Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Ban điều hành.

Điều 21. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị: Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Hội đồng quản trị Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị.

CHƯƠNG VII: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 22. Hiệu lực thi hành: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Tân cảng Quy Nhơn bao gồm 7 chương, 22 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 27 tháng 4 năm 2021.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN

CÔNG TY CỔ PHẦN **TÂN CẢNG QUY NHƠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 26/TTr-BKS	*Bình Định, ngày 31 tháng 3 năm 2021*

TỜ TRÌNH

V/v Lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Tân cảng Quy Nhơn.

Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Tân cảng Quy Nhơn kính trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt việc chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021, như sau:

- Yêu cầu đối với Công ty kiểm toán độc lập: Phải thuộc danh sách các Công ty đủ điều kiện kiểm toán do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước công bố; Đáp ứng được yêu cầu của Công ty, thực hiện kiểm toán đúng thời hạn, uy tín và chất lượng.

- Dựa trên tiêu chuẩn về các cam kết, tính chuyên nghiệp, nguồn lực và chi phí, để phù hợp với tình hình kinh doanh và sự phát triển của Công ty, Ban Kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt việc lựa chọn Công ty TNHH Kiểm toán – Tư vấn Đất Việt là đơn vị kiểm toán độc lập, kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2021.

- Trong trường hợp đàm phán hợp đồng kiểm toán với Công ty TNHH Kiểm toán – Tư vấn Đất Việt không thành công thì Hội đồng quản trị được chọn một Công ty có tên trong danh sách các Công ty đủ điều kiện kiểm toán do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước công bố để thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2021 trên nguyên tắc đảm bảo chất lượng dịch vụ và giá cả hợp lý.

Ban Kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Nơi nhận: - Đại hội đồng cổ đông; - Lưu TC-HC.	**TM. BAN KIỂM SOÁT** **Trưởng ban** **Nguyễn Kim Toàn**

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG QUY NHƠN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 27/BC-QSP	*Bình Định, ngày 31 tháng 3 năm 2021*

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC
TẠI CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

Thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 và các Nghị quyết, Quyết định chỉ đạo, định hướng của Hội đồng quản trị, Ban Điều hành xin trân trọng báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả kinh doanh năm 2020 và kế hoạch năm 2021. Các nội dung cụ thể như sau:

I. KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2020

1. Về hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2020, Công ty thực hiện cho thuê 4ha bãi đã san lấp và hợp tác kinh doanh với Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn trong việc khai thác hạ tầng cầu cảng đã đầu tư theo các hợp đồng đã ký kết.

Các chỉ tiêu kết quả hoạt động kinh doanh năm 2020, như sau:

ĐVT: VN đồng

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ
1	Tổng doanh thu	41.738.000.000	41.236.035.000	98,8%
2	Tổng chi phí	13.825.000.000	13.07.374.0000	94,6%
3	Chi phí khác		77.186.000	
4	Lợi nhuận trước thuế	27.913.000.000	28.085.109.000	100,6%
5	Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.413.000.000	983.535.000	69,6%
6	Lợi nhuận sau thuế	26.500.000.000	27.101.574.000	102,3%
7	Cổ tức	≥ 16%	Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ	

2. Về công tác đầu tư xây dựng

- Hoàn thành đầu tư xây dựng công trình Trụ sở làm việc và chuyển Văn phòng Công ty về tại địa chỉ số 03 đường Nguyễn Dữ, phường Hải Cảng, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

- Hoàn thành đầu tư xây dựng mở rộng mặt bằng sau cầu cảng theo phương án cải tạo gia cố kè sau cầu cảng.

- Các hạng mục công trình còn lại thuộc giai đoạn 2 của Dự án đầu tư xây dựng công trình cầu cảng container 30.000DWT vẫn chưa thể thực hiện được do chưa có sự đồng ý của UBND tỉnh Bình Định. Hiện nay, Công ty đang thuê tư vấn lập lại Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án theo yêu cầu của UBND tỉnh Bình Định.

II. KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2021

1. Về hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2021, Công ty tiếp tục hợp tác kinh doanh với Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn khai thác hiệu quả phần hạ tầng cầu cảng hiện hữu và phần hạ tầng mở rộng mặt bằng cầu cảng dự kiến đầu tư trong năm. Cùng với công tác khai thác hạ tầng cầu cảng, Công ty tiếp tục khai thác hơn 4ha bãi đã san lấp thông qua việc cho thuê chứa hàng dăm gỗ.

Các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2021: *ĐVT: VN đồng*

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2020	Kế hoạch năm 2021	Tỷ lệ
1	Tổng doanh thu	41.236.035.000	41.697.000.000	101,1%
2	Tổng chi phí	13.07.374.0000	12.169.000.000	93,1%
3	Chi phí khác	77.186.000	0	
4	Lợi nhuận trước thuế	28.085.109.000	29.528.000.000	105,1%
5	Thuế thu nhập doanh nghiệp	983.535.000	1.495.000.000	152,0%
6	Lợi nhuận sau thuế	27.101.574.000	28.033.000.000	103,4%
7	Cổ tức	Theo NQ ĐHĐCĐ	≥ 16%	

2. Về công tác đầu tư xây dựng

Trong năm 2021, Công ty tiếp tục hoàn thiện các thủ tục có liên quan và đề nghị UBND tỉnh Bình Định xem xét chấp thuận để tiếp tục được triển khai thực hiện đầu tư giai đoạn 2 của Dự án đầu tư xây dựng công trình cầu cảng container 30.000DWT. Sau khi được UBND tỉnh Bình Định chấp thuận, Công ty sẽ triển khai đầu tư các hạng mục còn lại của Dự án đã được duyệt trên cơ sở đảm bảo lợi ích tốt nhất cho cổ đông.

Thực hiện việc khảo sát độ sâu khu nước trước bến và triển khai công tác nạo vét nếu độ sâu khu nước không đảm bảo cho hoạt động khai thác cầu cảng.

Trên đây là báo cáo của Ban Điều hành Công ty Cổ phần Tân cảng Quy Nhơn về kết quả kinh doanh năm 2020 và kế hoạch năm 2021. Ban Điều hành sẽ nỗ lực hết mình nhằm đảm bảo đạt được tốt nhất những chỉ tiêu, kế hoạch đề ra.

Kính chúc toàn thể quý vị cổ đông sức khoẻ, hạnh phúc và thành đạt.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:
- Đại hội đồng cổ đông;
- Lưu TC-HC.

GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG QUY NHƠN

Phạm Văn Thành

CÔNG TY CỔ PHẦN
TÂN CẢNG QUY NHƠN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

MỤC LỤC

	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 31

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Tân Cảng Quy Nhơn (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được kiểm toán.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH, QUẢN LÝ

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý Công ty trong năm và đến thời điểm lập Báo cáo này gồm:

Họ và tên	*Chức vụ*	*Ngày bổ nhiệm*	*Ngày miễn nhiệm*
Hội đồng quản trị			
Ông Nguyễn Hữu Phúc	Chủ tịch	25/4/2019	
Ông Nguyễn Tín Dân	Thành viên	21/4/2017	
Ông Phạm Văn Thành	Thành viên	25/4/2019	
Ban kiểm soát			
Ông Nguyễn Kim Toàn	Trưởng ban	21/4/2017	
Ông Trịnh Xuân Sơn	Thành viên	21/4/2017	
Ông Trần Hữu Hiếu	Thành viên	21/4/2017	
Ban điều hành, quản lý			
Ông Phạm Văn Thành	Giám đốc	21/4/2017	
Ông Mai Quang Cường	Kế toán trưởng	21/4/2017	

ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập Báo cáo này là ông Phạm Văn Thành, chức danh Giám đốc Công ty.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt (Vietland) đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Công ty.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các Chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm trong việc bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt Ban Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG QUY NHƠN

PHẠM VĂN THÀNH - Giám đốc

Bình Định, ngày 25 tháng 02 năm 2021

Vietland LIMITED
02 Huynh Khuong Ninh Street
District 1, Ho Chi Minh City
Tel: (84-28) 39105401
Fax: (84-28) 39105402
Email: vietland@vietlandaudit.com.vn

Số : 0030/2021/BCTC-KTV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG QUY NHƠN**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Tân Cảng Quy Nhơn, được lập ngày 25 tháng 02 năm 2021, từ trang 6 đến trang 31, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán năm kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của Chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu Chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà Chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của Chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của Chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tân Cảng Quy Nhơn tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 02 năm 2021

Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN - TƯ VẤN ĐẤT VIỆT

NGUYỄN CAO HOÀI THU - Phó Tổng Giám đốc	**LÊ THỊ BÍCH NGỌC- Kiểm toán viên**
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0474-2018-037-1	Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1817-2018-037-1

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu Vietland

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

MẪU B01-DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**26.186.308.036**	**19.988.150.438**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**V.1**	**22.263.077.358**	**3.672.006.528**
1. Tiền	111		63.077.358	22.006.528
2. Các khoản tương đương tiền	112		22.200.000.000	3.650.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**		**-**	**12.300.000.000**
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	12.300.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**3.917.775.288**	**4.015.909.628**
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	3.709.689.124	3.874.220.586
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		89.490.000	44.490.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.3	118.596.164	97.199.042
IV. Hàng tồn kho	**140**		**-**	**-**
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**5.455.390**	**234.282**
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.9	5.455.390	234.282
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**149.052.410.233**	**153.423.293.233**
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**		**-**	
II. Tài sản cố định	**220**		**147.203.023.358**	**147.566.317.441**
Tài sản cố định hữu hình	221	V.4	147.203.023.358	147.566.317.441
Nguyên giá	*222*		*187.584.997.864*	*182.831.544.976*
Giá trị hao mòn luỹ kế	*223*		*(40.381.974.506)*	*(35.265.227.535)*
III. Bất động sản đầu tư	**230**		**-**	**-**
IV. Tài sản dở dang dài hạn	**240**		**300.423.755**	**406.499.209**
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.5	300.423.755	406.499.209
V. Đầu tư tài chính dài hạn	**250**		**-**	**-**
VI. Tài sản dài hạn khác	**260**		**1.548.963.120**	**5.450.476.583**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.6	1.446.413.296	5.450.476.583
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.7	102.549.824	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**270**		**175.238.718.269**	**173.411.443.671**

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính và phải được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**6.056.269.880**	**13.331.791.693**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**5.756.269.880**	**13.031.791.693**
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.8	752.412.613	760.492.613
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.9	1.191.618.359	1.431.879.639
3. Phải trả người lao động	314		183.037.687	154.927.197
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.10	2.441.391.727	2.435.991.727
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.11a	15.183.116	85.824.007
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.12	-	7.190.462.397
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.13	1.172.626.378	972.214.113
II. Nợ dài hạn	**330**		**300.000.000**	**300.000.000**
Phải trả dài hạn khác	337	V.11b	300.000.000	300.000.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**169.182.448.389**	**160.079.651.978**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**	**V.14**	**169.182.448.389**	**160.079.651.978**
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		107.922.750.000	107.922.750.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	*411a*		*107.922.750.000*	*107.922.750.000*
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		34.158.124.713	26.945.272.141
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		27.101.573.676	25.211.629.837
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	*421a*		-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	*421b*		*27.101.573.676*	*25.211.629.837*
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	**430**		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**440**		**175.238.718.269**	**173.411.443.671**

Bình Định, ngày 28 tháng 02 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG QUY NHƠN

PHẠM VĂN THÀNH	MAI QUANG CƯỜNG	MAI QUANG CƯỜNG
Giám đốc	**Kế toán trưởng**	**Người lập biểu**

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính và phải được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

MẪU B02-DN
Đơn vị tính: VNĐ

	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1.	**Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**01**	**VI.1**	**40.376.872.035**	**39.918.533.913**
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3.	**Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**10**		**40.376.872.035**	**39.918.533.913**
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.2	10.083.800.871	10.101.341.817
5.	**Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**20**		**30.293.071.164**	**29.817.192.096**
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	859.162.970	720.454.597
7.	Chi phí tài chính	22	VI.4	201.474.389	1.582.044.236
	Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*		*201.474.389*	*1.582.044.236*
8.	Chi phí bán hàng	25		-	-
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	2.788.464.616	2.541.988.552
10.	**Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh**	**30**		**28.162.295.129**	**26.413.613.905**
11.	Thu nhập khác	31		-	142.440.660
12.	Chi phí khác	32		77.186.331	-
13.	**Lợi nhuận khác**	**40**		**(77.186.331)**	**142.440.660**
14.	**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**	**50**		**28.085.108.798**	**26.556.054.565**
15.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.6	1.086.084.946	1.344.424.728
16.	Chi phí (thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	V.7	(102.549.824)	-
17.	**Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp**	**60**		**27.101.573.676**	**25.211.629.837**
18.	**Lãi cơ bản trên cổ phiếu**	**70**	**VI.7a**	**2.438**	**2.268**
19.	**Lãi suy giảm trên cổ phiếu**	**71**	**VI.7b**	**2.438**	**2.268**

Bình Định, ngày 26 tháng 02 năm 2021

PHẠM VĂN THÀNH	MAI QUANG CƯỜNG	MAI QUANG CƯỜNG
Giám đốc	Kế toán trưởng	Người lập biểu

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính và phải được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

MẪU B 03-DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	***01***		***28.085.108.798***	***26.556.054.565***
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		5.282.640.975	5.143.184.878
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05	VII	(781.976.639)	(720.454.597)
- Chi phí lãi vay	06		201.474.389	1.582.044.236
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	***08***		***32.787.247.523***	***32.560.829.082***
- (Tăng)/ Giảm các khoản phải thu	09		184.951.245	(850.409.941)
- (Giảm)/ Tăng các khoản phải trả (không kể thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(14.244.606)	(417.815.018)
- Giảm/ (Tăng) chi phí trả trước	12		4.004.063.287	4.058.817.152
- Tiền lãi vay đã trả	14		(201.474.389)	(1.582.044.236)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(1.357.312.021)	(917.172.643)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(530.725.000)	(517.550.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	***20***		***34.872.506.039***	***32.334.654.396***
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(4.890.457.769)	(72.454.545)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(7.100.000.000)	(12.300.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		19.400.000.000	5.000.000.000
4. Tiền thu lãi tiền gửi ngân hàng	27	VII	837.765.848	684.815.829
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	***30***		***8.247.308.079***	***(6.688.638.716)***
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền trả nợ gốc vay	34		(7.190.462.397)	(13.600.000.000)
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(17.338.280.891)	(17.286.367.791)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	***40***		***(24.528.743.288)***	***(30.886.367.791)***
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	**50**		**18.591.070.830**	**(5.240.352.111)**
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	**60**		**3.672.006.528**	**8.912.358.639**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	**70**	**V.1**	**22.263.077.358**	**3.672.006.528**

Bình Định, ngày 25 tháng 02 năm 2021

PHẠM VĂN THÀNH	MAI QUANG CƯỜNG	MAI QUANG CƯỜNG
Giám đốc	Kế toán trưởng	Người lập biểu

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính và phải được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

MẪU B09-DN

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tân Cảng Quy Nhơn được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3503000182 ngày 28 tháng 01 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp.

Cho đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi đến lần thứ ba số 4100694020 vào ngày 13 tháng 7 năm 2020.

Công ty được Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định cấp Giấy chứng nhận đầu tư số 35121000161 ngày 26 tháng 10 năm 2009 về việc đầu tư dự án: Xây dựng công trình cầu cảng Container 30.000DWT - Cảng Quy Nhơn. Trong quá trình hoạt động, Công ty được Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định cấp Giấy chứng nhận đầu tư thay đổi đến lần thứ hai ngày 5 tháng 9 năm 2014 về việc điều chỉnh tiến độ dự án đầu tư.

Cổ phiếu của Công ty được phép đăng ký giao dịch cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 579/QĐ-SGDHN ngày 16 tháng 9 năm 2016 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với số lượng 10.792.275 cổ phiếu niêm yết tương ứng 107.922.750.000 VND. Ngày 23 tháng 9 năm 2016, cổ phiếu của Công ty Cổ phần Tân Cảng Quy Nhơn đã chính thức được đưa vào giao dịch trên thị trường Upcom tại Sở Giao dịch Hà Nội với mã chứng khoán là QSP.

- **Vốn điều lệ** : **107.922.750.000 VND**

  Số cổ phiếu : 10.792.275 cổ phiếu

  Mệnh giá : 10.000 VND/ cổ phiếu

  Cơ cấu vốn điều lệ như sau:

Stt	Tên cổ đông	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VND)	Tỷ lệ (%)
1	Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn	1.800.000	18.000.000.000	16,68%
2	Cổ đông khác	8.992.275	89.922.750.000	83,32%
	Cộng	**10.792.275**	**107.922.750.000**	**100,00%**

- **Trụ sở hoạt động**

  Địa chỉ : Số 03 Nguyễn Dữ, Phường Hải Cảng, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

  Điện thoại : (84 - 256) 3 893239

  Fax : (84 - 256) 3 893888

  Mã số thuế : **4 1 0 0 6 9 4 0 2 0**

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là thương mại, dịch vụ.

3. Ngành, nghề kinh doanh

Bốc xếp hàng hóa (chi tiết: kinh doanh bốc xếp);

Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (chi tiết: mua bán vật tư, thiết bị phục vụ cho cảng);

Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (chi tiết: kinh doanh kho bãi);

Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương (chi tiết: kinh doanh vận chuyển hàng hóa đường biển);

Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (chi tiết: dịch vụ đại lý vận tải thủy và bộ, dịch vụ cung ứng lương thực, thực phẩm cho tàu biển);

Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy (chi tiết: dịch vụ lai dắt tàu biển).

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

6. Nhân viên

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 9 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 9 người).

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Kỳ kế toán năm đầu tiên bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2009.

Kỳ kế toánnăm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 là kỳ kế toán năm thứ 12 của Công ty.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư 53/2016/TT-BTC

ngày 21 tháng 3 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

1. *Cơ sở lập Báo cáo tài chính*

Báo cáo tài chính được trình bày phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày Báo cáo tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính bao gồm các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, phải thu của khách hàng và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính bao gồm các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, bao gồm các khoản phải thu tạo ra doanh thu tài chính, như: phải thu lãi tiền gửi.

7. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử (nếu có).

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà xưởng, vật kiến trúc	6 - 40
Máy móc thiết bị	6

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện chi phí xây dựng cơ bản các công trình chưa hoàn thành tại ngày Báo cáo tài chính.

Chi phí xây dựng cơ bản các công trình, tài sản bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới, hoặc cải tạo, nâng cấp, mở rộng liên quan đến các công trình, tài sản phục vụ cho mục đích sản xuất, kinh doanh của Công ty còn dở dang tại ngày Báo cáo tài chính.

9. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước thể hiện chi phí thực hiện nạo vét duy tu khu nước trước bến.

Chi phí nạo vét duy tu khu nước trước bến là chi phí phát sinh trong quá trình khảo sát, lập thiết kế, dự toán, chi phí xây dựng, tiền thuê khu vực biển... và được đánh giá là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Chi phí thực hiện nạo vét duy tu khu nước trước bến được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

10. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.

- Chi phí phải trả dùng để phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ, bao gồm cổ tức và lợi nhuận phải trả, các khoản phải trả do bên thứ ba chi hộ và các khoản phải trả khác.

11. Vốn chủ sở hữu và phân phối lợi nhuận thuần

Cơ cấu vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Phân phối lợi nhuận

- Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của Pháp luật Việt Nam.

  Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ.
- Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.
- Công ty trích lập các quỹ từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.
  - Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
  - Quỹ khen thưởng, phúc lợi: Quỹ này được trích lập nhằm khen thưởng và khuyến khích, đãi ngộ vật chất, đem lại phúc lợi chung và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho công nhân viên và các hoạt động xã hội.

12. Doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trong trường hợp giao dịch về các dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngàyBáo

cáo tài chính. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn điều kiện sau:

(a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

(b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;

(c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán;

(d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

13. Giá vốn dịch vụ cung cấp

Giá vốn dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm, được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

14. Chi phí

Chi phí là những khoản giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên nguyên tắc phù hợp với doanh thu trong kỳ. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để bảo đảm phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

15. Chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

16. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tuỳ thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận

khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

17. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) và số bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu.

18. Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan của Công ty nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của cá nhân được coi là liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	2.576.053	7.496.520
Tiền gửi ngân hàng	60.501.305	14.510.008
Các khoản tương đương tiền (i)	22.200.000.000	3.650.000.000
Cộng	**22.263.077.358**	**3.672.006.528**

(i) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quy Nhơn với lãi suất 3,3%/năm đến 3,7%/năm (năm 2019: 4,5%/năm đến 5,3%/năm).

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn (*)	2.731.775.860	2.731.775.860
Công ty TNHH Sản xuất Dăm gỗ Bình Định	610.043.346	559.801.638
Công ty TNHH Hào Hưng Long An	367.869.918	582.643.088
Cộng	**3.709.689.124**	**3.874.220.586**

(*) Đây là công nợ đối với bên liên quan, xem Thuyết minh số VIII.2

3. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Dự thu lãi tiền gửi	118.596.164	-	97.199.042	-
Cộng	**118.596.164**	**-**	**97.199.042**	**-**

4. Tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	182.788.454.067	43.090.909	182.831.544.976
Tăng trong năm	4.996.533.223	-	4.996.533.223
Đầu tư XDCB hoàn thành	*4.996.533.223*	-	*4.996.533.223*
Giảm trong năm	243.080.335	-	243.080.335
Thanh lý trong năm	*243.080.335*	-	*243.080.335*
Số cuối năm	**187.541.906.955**	**43.090.909**	**187.584.997.864**
Giá trị hao mòn luỹ kế			
Số đầu năm	35.234.788.432	30.439.103	35.265.227.535
Tăng trong năm	5.275.459.157	7.181.818	5.282.640.975
Khấu hao trong năm	*5.275.459.157*	*7.181.818*	*5.282.640.975*
Giảm trong năm	165.894.004	-	165.894.004
Thanh lý trong năm	*165.894.004*	-	*165.894.004*
Số cuối năm	**40.344.353.585**	**37.620.921**	**40.381.974.506**
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	**147.553.665.635**	**12.651.806**	**147.566.317.441**
Số cuối năm	**147.197.553.370**	**5.469.988**	**147.203.023.358**

Nguyên giá của nhà cửa, vật kiến trúc bao gồm nhà trực cầu cảng đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 45.564.909 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 45.564.909 VND).

5. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí đầu tư xây dựng văn phòng làm việc	-	106.075.454
Hạng mục công trình san lấp tạo bãi đợt 2	300.423.755	300.423.755
Cộng	**300.423.755**	**406.499.209**

6. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí dụng cụ văn phòng	88.435.556	-
Chi phí nạo vét duy tu khu nước trước bến	1.357.977.740	5.450.476.583
Cộng	**1.446.413.296**	**5.450.476.583**

7. Thuế thu nhập hoãn lại

Dưới đây là tài sản thuế thu nhập hoãn lại do Công ty ghi nhận theo các khoản chênh lệch của chi phí trả trước tạm thời được khấu trừ phát sinh trong năm và các năm trước, như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	-	-
Chuyển sang lợi nhuận (lỗ) trong năm	102.549.824	-
Số cuối năm	**102.549.824**	**-**

8. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Công trình Hàng Hải	33.046.613	33.046.613	33.046.613	33.046.613
Công ty TNHH VTB Cửu Long	719.366.000	719.366.000	719.366.000	719.366.000
Công ty Cổ phần TV ĐT và XD Nguyên Phú	-	-	8.080.000	8.080.000
Cộng	**752.412.613**	**752.412.613**	**760.492.613**	**760.492.613**

9. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Chỉ tiêu	Số đầu năm	Số phải nộp	Số đã nộp	Số cuối năm
Thuế GTGT dịch vụ cung cấp trong nước	956.956.173	3.499.461.794	3.459.241.107	997.176.860
Thuế thu nhập doanh nghiệp	457.312.021	1.086.084.946	1.357.312.021	186.084.946
Thuế thu nhập cá nhân	17.377.163	753.293.843	767.769.843	2.901.163

Chỉ tiêu	Số đầu năm	Số phải nộp	Số đã nộp	Số cuối năm
Thuế thu nhập các nhân phải nộp	*17.611.445*	*753.293.843*	*762.548.735*	*8.356.553*
Thuế thu nhập các nhân phải thu (*)	*(234.282)*	-	*5.221.108*	*(5.455.390)*
Tiền thuê đất	-	698.820.204	698.820.204	-
Các loại thuế khác	-	12.955.781	12.955.781	-
Thuế môn bài	-	*3.000.000*	*3.000.000*	-
Thuế đất phi nông nghiệp	-	*9.955.781*	*9.955.781*	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	30.856.363	30.856.363	-
Cộng	**1.431.645.357**	**6.081.472.931**	**6.326.955.319**	**1.186.162.969**

Trình bày số dư trên Bảng cân đối kế toán:

Thuế và các khoản phải thu Nhà nước (*)	234.282	5.455.390
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	1.431.879.639	1.191.618.359

- ***Thuế giá trị gia tăng***

  Công ty áp dụng Luật thuế giá trị gia tăng hiện hành.

  Phương pháp tính thuế : Phương pháp khấu trừ

  Thuế suất áp dụng : 10%

- ***Thuế thu nhập doanh nghiệp***

  Xem Thuyết minh số VI.6

- ***Các loại thuế khác***

  Công ty kê khai và nộp các loại thuế khác theo qui định hiện hành.

10. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	135.600.000	130.200.000
Chi phí công trình	2.305.791.727	2.305.791.727
Cộng	**2.441.391.727**	**2.435.991.727**

11. Phải trả khác

a) Ngắn hạn	**15.183.116**	**85.824.007**
Cổ tức phải trả cho cổ đông	15.183.116	85.824.007
b) Dài hạn	**300.000.000**	**300.000.000**
Công ty Cổ phần TMDV Công Thành	300.000.000	300.000.000
Cộng	**315.183.116**	**385.824.007**

12. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Vay	Trả nợ vay	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay dài hạn ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quy Nhơn đến hạn trả	7.190.462.397	7.190.462.397	-	(7.190.462.397)	-	-
Cộng	**7.190.462.397**	**7.190.462.397**	-	**(7.190.462.397)**	-	-

13. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	**972.214.113**	**785.409.641**
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận trong năm	731.137.265	704.354.472
Chi các quỹ trong năm	(530.725.000)	(517.550.000)
Số cuối năm	**1.172.626.378**	**972.214.113**

14. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu trong năm và năm trước:

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Năm trước				
Số đầu năm	**107.922.750.000**	**20.630.369.982**	**24.288.085.226**	**152.841.205.208**
Lãi trong năm	-	-	25.211.629.837	25.211.629.837
Trích lập các quỹ	-	6.314.902.159	(7.019.256.631)	(704.354.472)
Chia cổ tức	-	-	(17.268.828.595)	(17.268.828.595)
Số cuối năm	**107.922.750.000**	**26.945.272.141**	**25.211.629.837**	**160.079.651.978**
Năm nay				
Số đầu năm	**107.922.750.000**	**26.945.272.141**	**25.211.629.837**	**160.079.651.978**
Lãi trong năm	-	-	27.101.573.676	27.101.573.676
Trích lập các quỹ	-	7.212.852.572	(7.943.989.837)	(731.137.265)
Chia cổ tức	-	-	(17.267.640.000)	(17.267.640.000)
Số cuối năm	**107.922.750.000**	**34.158.124.713**	**27.101.573.676**	**169.182.448.389**

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, vốn điều lệ của Công ty là 107.922.750.000 VND đã được góp đủ đến ngày 31 tháng 12 năm 2020 như sau:

Cổ đông	Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp		Vốn đã góp	
	VND	%	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn	18.000.000.000	16,68%	18.000.000.000	18.000.000.000
Vốn góp của các đối tượng khác	89.922.750.000	83,32%	89.922.750.000	89.922.750.000
Cộng	**107.922.750.000**	**100,00%**	**107.922.750.000**	**107.922.750.000**

Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10.792.275	10.792.275
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	10.792.275	10.792.275
Cổ phiếu phổ thông	*10.792.275*	*10.792.275*
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	10.792.275	10.792.275
Cổ phiếu phổ thông	*10.792.275*	*10.792.275*
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu.

Phân phối lợi nhuận

Trong năm, Công ty đã thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2019 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020 số 01/NQ-ĐHĐCĐngày 26 tháng 6 năm 2020 như sau:

	Năm nay	Năm trước
Chia cổ tức cho các cổ đông	17.267.640.000	17.268.828.595
Trích quỹ đầu tư phát triển	7.212.852.572	6.314.902.159
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	731.137.265	704.354.472
Cộng	**25.211.629.837**	**24.288.085.226**

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính: VND

1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
a) Doanh thu		
Doanh thu khai thác cầu cảng	27.600.000.000	27.600.000.000
Doanh thu cho thuê bãi	12.776.872.035	12.318.533.913
Cộng	**40.376.872.035**	**39.918.533.913**
b) Doanh thu đối với bên liên quan		
Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn	29.801.191.200	28.463.936.190
Cộng	**29.801.191.200**	**28.463.936.190**

2. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán dịch vụ cho thuê cầu cảng	8.855.594.065	8.932.858.831
Giá vốn hàng bán dịch vụ cho thuê kho bãi	1.228.206.806	1.168.482.986
Cộng	**10.083.800.871**	**10.101.341.817**

3. Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi ngân hàng	859.162.970	720.454.597
Cộng	**859.162.970**	**720.454.597**

4. Chi phí tài chính

Chi phí lãi vay	201.474.389	1.582.044.236
Cộng	**201.474.389**	**1.582.044.236**

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí nhân viên	1.843.616.205	1.754.675.840
Chi phí nguyên vật liệu	13.838.266	9.187.502
Chi phí đồ dùng văn phòng	21.531.937	1.818.182
Chi phí khấu hao TSCĐ	42.201.963	-
Thuế, phí và lệ phí	187.249.360	99.116.878
Chi phí dịch vụ mua ngoài	143.251.222	146.393.529
Chi phí bằng tiền khác	536.775.663	530.796.621
Cộng	**2.788.464.616**	**2.541.988.552**

6. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận trước thuế	**28.085.108.798**	**26.556.054.565**
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	**1.116.898.989**	**332.440.000**
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	-	-
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	1.116.898.989	332.440.000
Thu nhập chịu thuế	**29.202.007.787**	**26.888.494.565**
Thuế suất áp dụng	10%	10%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	**2.920.200.779**	**2.688.849.457**
Thuế được giảm	(1.460.100.390)	(1.344.424.729)
Thuế được giảm 30% theo ND114/2020/ND-CP	(438.030.117)	-
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp các năm trước	64.014.674	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	**1.086.084.946**	**1.344.424.728**

Công ty được hưởng mức thuế thu nhập doanh nghiệp 10% áp dụng trong thời gian là 15 năm (Điểm b, Khoản 1, Điều 15 Nghị định số 124/2008/NĐ-CP ngày 11/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp).

Công ty được miễn 4 năm thuế thu nhập doanh nghiệp kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 9 năm tiếp theo (Điểm a, Khoản 1, Điều 16 Nghị định số 124/2008/NĐ-CP ngày 11/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp).

Năm 2020 là năm thứ 11 doanh nghiệp được hưởng mức thuế suất là 10% và là năm thứ 6 được ưu đãi giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp.

Năm nay, Công ty được giảm 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2020 đối với trường hợp doanh nghiệp có tổng doanh thu năm 2020 không quá 200 tỷ đồng theo Nghị định 114/2020/NĐ-CP của Chính phủ ngày 25 tháng 9 năm 2020.

7. Lãi trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi trên cổ phiếu cơ bản và lãi trên cổ phiếu suy giảm phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	**27.101.573.676**	**25.211.629.837**
Trừ: Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(785.945.637)	(731.137.265)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	**26.315.628.039**	**24.480.492.572**
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	10.792.275	10.792.275
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**2.438**	**2.268**

b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	**26.315.628.039**	**24.480.492.572**
Các khoản điều chỉnh lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp để tính lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông khi xác định lãi suy giảm trên cổ phiếu	-	-
Lợi nhuận thuộc cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được điều chỉnh do ảnh hưởng pha loãng	**26.315.628.039**	**24.480.492.572**
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong kỳ để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	10.792.275	10.792.275
Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
Cộng: Số lượng cổ phiếu bình quân do ảnh hưởng của cổ phiếu có thể được chuyển đổi từ trái phiếu chuyển đổi	-	-
Số lượng cổ phiếu bình quân lưu hành đã được điều chỉnh do ảnh hưởng pha loãng	**10.792.275**	**10.792.275**
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	**2.438**	**2.268**

8. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

Chi phí nguyên liệu, vật liệu	35.370.203	11.005.684
Chi phí nhân công	1.843.616.205	1.754.675.840
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.282.640.975	5.143.184.878
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.173.862.441	5.203.667.346
Chi phí khác bằng tiền	536.775.663	530.796.621
Cộng	**12.872.265.487**	**12.643.330.369**

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

1. Các giao dịch không bằng tiền không ảnh hưởng đến sự lưu chuyển tiền tệ trong năm nên không được trình bày trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng phải thu	118.596.164	97.199.042
Phải trả cổ tức	15.183.116	85.824.007

2. Các khoản giao dịch bằng tiền có ảnh hưởng đến sự lưu chuyển tiền tệ trong năm nên được trình bày trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Lãi tiền gửi ngân hàng phải thu năm trước đã thu trong năm	97.199.042	61.560.274
Phải trả cổ tức năm trước đã trả trong năm	85.824.007	103.363.203

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Các khoản cam kết

Cam kết thuê hoạt động

Công ty là bên đi thuê

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trong vòng 1 năm	606.850.644	606.850.644
Từ năm thứ 2 đến năm thứ 5	2.427.402.576	2.427.402.576
Sau 5 năm	20.538.690.210	21.145.540.854
Cộng	**23.572.943.430**	**24.179.794.074**

Các khoản cam kết thuê hoạt động thể hiện:

- Tiền thuê 121.560 m2 đất bao gồm 12.761,5 m2 đất chuyên dùng và 108.798,5 m2 đất mặt nước thuộc phường Hải Cảng, thành phố Quy Nhơn để xây dựng cảng container 30.000 DWT theo Hợp đồng thuê đất số 112/HĐ-TĐ ngày 5 tháng 11 năm 2009 được ký kết với UBND tỉnh Bình Định. Thời hạn thuê từ ngày 14 tháng 10 năm 2009 đến ngày 14 tháng 10 năm 2059.
- Tiền thuê 1.038,5 m2 đất tại phường Hải Cảng, thành phố Quy Nhơn để xây dựng văn phòng theo Hợp đồng thuê đất số 19/HĐ-TĐ ngày 19 tháng 02 năm 2011 được ký kết với UBND tỉnh Bình Định. Thời hạn thuê từ ngày 10 tháng 01 năm 2011 đến ngày 10/01/2061.

Các đơn giá đất ổn định trong 5 năm đầu và và được điều chỉnh cho các năm tiếp theo theo quy định của Nghị định 142/2005/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2006.

Công ty là bên cho thuê

Công ty hiện đang cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản thu tiền cho thuê tối thiểu trong tương lai thu được từ hợp đồng thuê hoạt động không thể hủy ngang như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trong vòng 1 năm	40.298.295.720	35.060.438.820
Từ năm thứ 2 đến năm thứ 5	140.136.602.600	124.440.001.640
Sau 5 năm	27.600.000.000	55.200.000.000
Cộng	**208.034.898.320**	**214.700.440.460**

Các khoản cho thuê hoạt động thể hiện:

- Tiền cho Công ty TNHH Hào Hưng Long An thuê 22.366 m2 mặt bằng bãi cảng gắn tiền với cơ sở hạ tầng (trước ngày 10 tháng 8 năm 2019) và 14.527 m2 mặt bằng bãi cảng gắng tiền với cơ sở hạ tầng (từ ngày 10 tháng 8 năm 2019) theo Hợp đồng kinh tế số 2503/2013/HĐKT ngày 25 tháng 3 năm 2013 kèm theo Hợp đồng điều chỉnh, bổ sung số 0208/2019/ĐCBS-HĐKT ngày 02 tháng 8 năm 2019 để đầu tư xây dựng bãi chứa dăm gỗ rời và lắp đặt hệ thống băng tải để chuyển dăm xuống tàu. Thời hạn thuê 10 năm kể từ ngày 01 tháng 5 năm 2013.

- Tiền cho Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn thuê 7.839 m2 mặt bằng bãi cảng gắn tiền với cơ sở hạ tầng theo Hợp đồng kinh tế số 168/THO/2019/02B ngày 10 tháng 8 năm 2019 để lắp đặt 02 hệ thống cẩu nâng xe tải, băng tải làm hàng dăm gỗ và chứa hàng. Thời gian thuê từ ngày 10 tháng 8 năm 2019 đến ngày 30 tháng 4 năm 2023.
- Tiền cho Công ty TNHH Sản xuất Dăm gỗ Bình Định thuê 19.980 m2 mặt bằng bãi cảng gắn tiền với cơ sở hạ tầng theo Hợp đồng thuê một phần diện tích mặt bằng bãi cảng để đầu tư xây dựng bãi chứa dăm gỗ rời ngày 01 tháng 4 năm 2010 kèm theo Hợp đồng điều chỉnh bổ sung số 16-03/ĐCBS-HĐKT ngày 16 tháng 3 năm 2020. Thời hạn thuê 5 năm kể từ ngày 01 tháng 4 năm 2020.
- Tiền cho Công ty TNHH Sản xuất Dăm gỗ Bình Định thuê 19.980 m2 mặt bằng bãi cảng gắn tiền với cơ sở hạ tầng theo Hợp đồng thuê một phần diện tích mặt bằng bãi cảng để đầu tư xây dựng bãi chứa dăm gỗ rời ngày 01 tháng 4 năm 2010, thời hạn thuê 10 năm kể từ ngày 01 tháng 4 năm 2010. Thời hạn thuê được gia hạn 5 năm kể từ ngày 01 tháng 4 năm 2020 theo Hợp đồng điều chỉnh bổ sung số 16-03/ĐCBS-HĐKT ngày 16 tháng 3 năm 2020.
- Tiền cho Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn khai thác sử dụng hạ tầng cầu cảng của Công ty bao gồm các hạng mục cầu tàu - kè sau cầu, hệ thống điện chiếu sáng cầu cảng và đường kết nối từ cầu cảng của Công ty đến cầu cảng của Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn theo Hợp đồng số 168/2017/HĐKT ngày 19 tháng 7 năm 2017 và các phụ lục có liên quan. Thời hạn cho khai thác sử dụng là 10 năm kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.

Các đơn giá cho thuê ổn định trong 5 năm đầu và và được điều chỉnh cho các năm tiếp theo theo các thỏa thuận giữa các bên, riêng đơn giá cho Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn khai thác sử dụng hạ tầng cầu cảng được xác định theo từng năm.

2. Nghiệp vụ và số dư các bên liên quan

Giao dịch với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn	Cổ đông góp vốn (tỷ lệ 16,68%)

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty với Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn như sau:

	Năm nay	Năm trước
Chia cổ tức	2.880.000.000	2.880.000.000
Doanh thu cho thuê bãi và khai thác cầu cảng	29.801.191.200	28.463.936.190
Tiền thuê nhà, tiền điện phải trả	94.203.079	66.420.697

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn		
Phải thu tiền cho thuê bãi và khai thác cầu cảng	2.731.775.860	2.731.775.860

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt Công ty trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Lương, thưởng	1.076.975.532	1.042.536.455
Thù lao	135.600.000	130.200.000
Cộng	**1.212.575.532**	**1.172.736.455**

3. Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm nợ thuần (các khoản vay như được trình bày tại Thuyết minh số V.13 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của Công ty (bao gồm vốn góp, quỹ đầu tư phát triển và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Các khoản vay	-	7.190.462.397
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	(22.263.077.358)	(3.672.006.528)
Nợ thuần	(22.263.077.358)	3.518.455.869
Vốn chủ sở hữu	169.182.448.389	160.079.651.978
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	**(0,13)**	**0,02**

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số IV.3.

Các loại công cụ tài chính

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	22.263.077.358	22.263.077.358	3.672.006.528	3.672.006.528
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-	12.300.000.000	12.300.000.000
Phải thu của khách hàng	3.709.689.124	3.709.689.124	3.874.220.586	3.874.220.586
Phải thu khác	118.596.164	118.596.164	97.199.042	97.199.042
Cộng	**26.091.362.646**	**26.091.362.646**	**19.943.426.156**	**19.943.426.156**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả cho người bán	752.412.613	752.412.613	760.492.613	760.492.613
Chi phí phải trả	2.305.791.727	2.305.791.727	2.305.791.727	2.305.791.727
Phải trả khác	315.183.116	315.183.116	385.824.007	385.824.007
Các khoản vay	-	-	7.190.462.397	7.190.462.397
Cộng	**3.373.387.456**	**3.373.387.456**	**10.642.570.744**	**10.642.570.744**

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý. Công ty sử dụng các phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính như sau:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, phải thu của khách hàng, phải thu khác, phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác và các khoản vay tương đương với giá trị sổ sách của các khoản mục này do các công cụ này có kỳ ngắn hạn.
- Đối với các tài sản tài chính và công nợ tài chính mà không đủ thông tin thị trường để xác định giá trị hợp lý tại ngày Báo cáo tài chính, giá trị ghi sổ của các khoản mục này được thể hiện thay cho giá trị hợp lý.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá (rủi ro ngoại tệ), rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá.

Do hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là khai thác cầu cảng và cho thuê bãi, cho nên Công ty không có rủi ro trọng yếu nào liên quan đến sự biến động của thị trường.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu của khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng).

Phải thu khách hàng

Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu

nào đối với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì Công ty chỉ có 3 khách hàng quen thuộc và Công ty thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi nợ, không có nợ quá hạn khó đòi tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín trong nước. Ban Giám đốc Công ty không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu từ các khoản tiền gửi này.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công cụ nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Cộng
Số cuối năm			
Tài sản tài chính			
Tiền và các khoản tương đương tiền	22.263.077.358	-	22.263.077.358
Phải thu của khách hàng	3.709.689.124	-	3.709.689.124
Phải thu khác	118.596.164	-	118.596.164
Cộng	**26.091.362.646**	**-**	**26.091.362.646**
Nợ phải trả tài chính			
Phải trả cho người bán	752.412.613	-	752.412.613
Chi phí phải trả	2.305.791.727	-	2.305.791.727
Phải trả khác	15.183.116	300.000.000	315.183.116
Các khoản vay	-	-	-
Cộng	**3.073.387.456**	**300.000.000**	**3.373.387.456**
Chênh lệch thanh khoản thuần	**23.017.975.190**	**(300.000.000)**	**22.717.975.190**

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Cộng
Số đầu năm			
Tài sản tài chính			
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.672.006.528	-	3.672.006.528
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	12.300.000.000	-	12.300.000.000
Phải thu của khách hàng	3.874.220.586	-	3.874.220.586
Phải thu khác	97.199.042	-	97.199.042
Cộng	**19.943.426.156**	**-**	**19.943.426.156**
Nợ phải trả tài chính			
Phải trả cho người bán	760.492.613	-	760.492.613
Chi phí phải trả	2.305.791.727	-	2.305.791.727
Phải trả khác	85.824.007	300.000.000	385.824.007
Các khoản vay	7.190.462.397	-	7.190.462.397
Cộng	**10.342.570.744**	**300.000.000**	**10.642.570.744**
Chênh lệch thanh khoản thuần	**9.600.855.412**	**(300.000.000)**	**9.300.855.412**

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh toán ở mức thấp. Ban Giám đốc tin rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính đáo hạn.

4. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu cần phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính của Công ty.

Bình Định, ngày 25 tháng 02 năm 2021

PHẠM VĂN THÀNH	MAI QUANG CƯỜNG	MAI QUANG CƯỜNG
Giám đốc	Kế toán trưởng	Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG QUY NHƠN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 28/TTr-HĐQT	*Bình Định, ngày 31 tháng 3 năm 2021*

TỜ TRÌNH

V/v phê duyệt phương án phân phối lợi nhuận năm 2020 và thù lao của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2021

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Tân cảng Quy Nhơn;

Căn cứ kết quả kinh doanh năm 2020 và kế hoạch năm 2021 của Công ty Cổ phần Tân cảng Quy Nhơn.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông phương án phân phối lợi nhuận năm 2020 và thù lao của HĐQT, Ban Kiểm soát năm 2021 như sau:

1. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2020

TT	Chỉ tiêu	Số tiền (đồng)
1	**Lợi nhuận chưa phân phối năm 2020**	**27.101.573.676**
2	**Trích lập các quỹ (32,3%)**	**8.754.706.176**
-	Quỹ Đầu tư phát triển (29,6%)	8.022.963.687
-	Quỹ Khen thưởng, phúc lợi (2,7%)	731.742.489
3	**Chi trả cổ tức năm 2020 bằng tiền (67,7%)**	**18.346.867.500**
-	Tỷ lệ chi trả cổ tức *(01 cổ phiếu được nhận 1.700 đồng)*	17%

2. Thù lao của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát năm 2021

TT	Chức vụ	Số người	Mức thù lao đồng/tháng	Thời gian (tháng)	Thành tiền (đồng)
1	Chủ tịch HĐQT	1	4.000.000	12	48.000.000
2	Thành viên HĐQT	2	2.600.000	12	62.400.000
3	Trưởng BKS	1	1.400.000	12	16.800.000
4	Thành viên BKS	2	750.000	12	18.000.000
	Tổng cộng				**145.200.000**

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG QUY NHƠN

Nguyễn Hữu Phúc

Nơi nhận:
- Đại hội đồng cổ đông;
- Lưu TCHC.

CÔNG TY CỔ PHẦN **TÂN CẢNG QUY NHƠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 29/TTr-HĐQT	*Bình Định, ngày 31 tháng 3 năm 2021*

TỜ TRÌNH

V/v Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;

Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Tân cảng Quy Nhơn đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty như sau:

- Trên cơ sở rà soát Điều lệ Công ty, Hội đồng quản trị nhận thấy một số điều khoản tại Điều lệ Công ty hiện hành cần được xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với quy định pháp luật hiện hành.

- Nội dung chi tiết các điểm sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty được trình bày tại Phụ lục đính kèm Tờ trình này. Ngoài ra, các nội dung của Điều lệ Công ty hiện hành được chỉ dẫn là "theo quy định tại điểm, khoản, điều của Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13" được sửa đổi chỉ dẫn là "theo quy định của Luật Doanh nghiệp hiện hành".

- Các quy định của Điều lệ Công ty được sửa đổi, bổ sung có hiệu lực áp dụng từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.

Nơi nhận: - Đại hội đồng cổ đông; - Lưu TCHC.	**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ** **CHỦ TỊCH** CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG QUY NHƠN **Nguyễn Hữu Phúc**

PHỤ LỤC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG QUY NHƠN

Kèm theo Tờ trình số 29/TTr-HĐQT ngày 31 tháng 3 năm 2021

Nội dung Điều lệ hiện hành	Đề nghị sửa đổi, bổ sung	Lý do
1. Sửa đổi khoản 2, 3, 4, 5 và bổ sung khoản 6 Điều 10. "Quyền của cổ đông phổ thông"		
2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng có các quyền sau đây: a) Đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát; b) Xem xét và trích lục Sổ biên bản và các Nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam và các báo cáo của Ban kiểm soát; c) Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều này; d) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản theo quy định tại Điểm d Khoản 2 Điều 114 của Luật DN số 68/2014/QH13; đ) Các quyền khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13. 3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều này có quyền yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây: a) Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao; b) Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị đã vượt quá sáu tháng mà Hội đồng quản trị mới chưa được bầu thay thế; Yêu cầu triệu tập họp Đại Hội đồng cổ đông phải được lập bằng văn	2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền sau đây: a) Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty; b) Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này; c) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra; d) Quyền khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp hiện hành và Điều lệ Công ty. 3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều này có quyền yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:	Sửa đổi theo Điều 115. "Quyền của cổ đông phổ thông" của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14

Nội dung Điều lệ hiện hành	Đề nghị sửa đổi, bổ sung	Lý do
bản theo quy định tại Khoản 3 Điều 114 của Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13. Kèm theo yêu cầu phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền. 4. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều này được thực hiện như sau: a) Các cổ đông phổ thông tự nguyện tập hợp thành nhóm thỏa mãn các điều kiện quy định để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết chậm nhất ngay khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông; b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử. 5. Cổ đông là tổ chức có quyền cử một hoặc một số người đại diện theo uỷ quyền thực hiện các quyền và nghĩa vụ cổ đông của mình theo quy định của pháp luật;	a) Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao; 4. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông quy định tại khoản 3 Điều này phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền. 5. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau: a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông; b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban	

Nội dung Điều lệ hiện hành	Đề nghị sửa đổi, bổ sung	Lý do
	kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử. 6. Quyền khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp hiện hành.	
2. Bổ sung khoản 5, 6 Điều 11. "Nghĩa vụ của cổ đông phổ thông"		
	5. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác. 6. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp hiện hành.	Sửa đổi theo Điều 119. "Nghĩa vụ của cổ đông" Luật của Doanh nghiệp số 59/2020/QH14
3. Sửa đổi khoản 1 Điều 21. "Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông"		Sửa đổi theo Điều 141. "Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông" của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14
1. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên Sổ đăng ký cổ đông của Công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập khi có quyết định triệu tập và phải lập xong chậm nhất ba mươi ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông.	1. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của Công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông.	
4. Sửa đổi khoản 1 Điều 23. "Mời họp Đại hội đồng cổ đông "		Sửa đổi theo Điều 143. "Mời họp Đại hội đồng cổ đông" của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14
1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả cổ đông có quyền dự họp chậm nhất mười ngày làm việc trước ngày khai mạc. Thông báo được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông. Thông báo mời họp phải có đủ nội dung theo quy định tại Khoản 1 Điều 139 Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13.	1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất là 21 ngày trước ngày khai mạc. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ liên lạc của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp.	

Nội dung Điều lệ hiện hành	Đề nghị sửa đổi, bổ sung	Lý do
5. Sửa đổi khoản 1, 2 Điều 24. "Quyền dự họp đại hội đồng cổ đông"		
1. Cổ đông có thể trực tiếp tham dự họp, ủy quyền bằng văn bản cho một người khác dự họp hoặc thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp cổ đông là tổ chức không có người đại diện theo uỷ quyền theo quy định tại Khoản 3 Điều 19 của Điều lệ này thì uỷ quyền người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông. 2. Việc uỷ quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty. Người được uỷ quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản uỷ quyền trước khi vào phòng họp.	1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp, ủy quyền bằng văn bản cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều này. 2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền và số lượng cổ phần được ủy quyền. Cá nhân, tổ chức được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải xuất trình văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.	Sửa đổi theo Điều 144. "Thực hiện quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông" của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14
6. Sửa đổi khoản 1, Điều 25. "Điều kiện tiến hành họp đại hội đồng cổ đông"		
1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.	1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết;	Sửa đổi theo Điều 145. "Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông" của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14
7. Sửa đổi điểm a, khoản 2 Điều 26. "Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông"		
2. Chủ tọa, Thư ký và Ban kiểm phiếu của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được quy định như sau: a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm Chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập; trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên còn lại bầu một người trong số họ làm Chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số; trường hợp không có	2. Chủ tọa, Thư ký và Ban kiểm phiếu của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được quy định như sau: a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập; trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thi các thành viên Hội đồng	Sửa đổi theo Điều 146. "Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông" của Luật Doanh nghiệp số

Nội dung Điều lệ hiện hành	Đề nghị sửa đổi, bổ sung	Lý do
người có thể làm Chủ tọa thì Trưởng Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu Chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm Chủ tọa cuộc họp;	quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số; trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;	59/2020/QH14
8. Sửa đổi điểm b, khoản 3 và khoản 5 Điều 27. "Thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông"		Sửa đổi theo Điều 148. "Điều kiện để nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua" của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 và Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14
3. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua tại cuộc họp khi có đủ các điều kiện sau đây: b) Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm c khoản này; 5. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết chấp thuận;	3. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua tại cuộc họp khi có đủ các điều kiện sau đây: b) Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm c khoản này; 5. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết chấp thuận;	
9. Sửa đổi khoản 4 Điều 31. "Hội đồng quản trị"		
4. Khi thực hiện chức năng và nhiệm vụ của mình, Hội đồng quản trị tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ Công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên chấp thuận thông qua quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trong trường hợp này, cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục trong thời hạn ít nhất một năm có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị đình chỉ thực hiện quyết định nói trên.	4. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ Công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.	Sửa đổi theo Điều 153. "Hội đồng quản trị" của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14

Nội dung Điều lệ hiện hành	Đề nghị sửa đổi, bổ sung	Lý do
10. Sửa đổi Điều 32. "Nhiệm kỳ và số lượng thành viên hội đồng quản trị"		Sửa đổi theo Điều Điều 154. "Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị" của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 và Điều 276. "Thành phần Hội đồng quản trị" của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP hướng dẫn thi hành Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14
1. Hội đồng quản trị có từ ba đến mười một thành viên. Ít nhất hai phần ba số thành viên Hội đồng quản trị phải thường trú ở Việt Nam. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là 5 năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 5 năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. 2. Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Hội đồng quản trị mới được bầu và tiếp quản công việc. 3. Trường hợp có thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ thì nhiệm kỳ của thành viên đó là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị. 4. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.	1. Hội đồng quản trị có từ ba đến mười một thành viên. 2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. 3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc. 4. Cơ cấu Hội đồng quản trị Công ty phải đảm bảo tối thiểu một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành.	
11. Sửa đổi khoản 3 Điều 33. "Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên hội đồng quản trị"		Sửa đổi theo Điều 275. "Tư cách thành viên HĐQT" của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP hướng dẫn thi hành Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14
3. Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác.	3. Thành viên Hội đồng quản trị của một Công ty chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại tối đa 05 công ty khác.	
12. Sửa đổi khoản 1 Điều 34. "Chủ tịch Hội đồng quản trị"		Sửa đổi theo Điều 156. "Chủ tịch Hội đồng quản trị" của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14
1. Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị là người trong số các thành viên Hội đồng quản trị. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể kiêm Giám đốc Công ty.	1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm nhiệm chức danh Giám đốc	

Nội dung Điều lệ hiện hành	Đề nghị sửa đổi, bổ sung	Lý do
	Công ty.	và Điều 275. "Tư cách thành viên Hội đồng quản trị" của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP
13. Sửa đổi khoản 1, bổ sung khoản 3 Điều 60. "Quyền khởi kiện đối với thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc "		
1. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu ít nhất 1% số cổ phần phổ thông liên tục trong thời hạn 06 tháng có quyền tự mình hoặc nhân danh Công ty khởi kiện trách nhiệm dân sự đối với thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc trong các trường hợp sau đây: a) Vi phạm nghĩa vụ người quản lý Công ty theo quy định tại Điều 160 của Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13; b) Không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ được giao; không thực hiện, thực hiện không đầy đủ, không kịp thời nghị quyết của Hội đồng quản trị; c) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao trái với quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty hoặc nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông; d) Sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty để tư lợi riêng hoặc phục vụ cho lợi ích của tổ chức, cá nhân khác; đ) Sử dụng địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của Công ty để tư lợi riêng hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác; e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.	1. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần phổ thông có quyền tự mình hoặc nhân danh Công ty khởi kiện trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm liên đới đối với các thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc để yêu cầu hoàn trả lợi ích hoặc bồi thường thiệt hại cho Công ty hoặc người khác trong trường hợp sau đây: a) Vi phạm trách nhiệm của người quản lý Công ty theo quy định của Luật Doanh nghiệp hiện hành; b) Không thực hiện, thực hiện không đầy đủ, thực hiện không kịp thời hoặc thực hiện trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ Công ty, nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với quyền và nghĩa vụ được giao; c) Lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác; d) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật. 3. Cổ đông, nhóm cổ đông theo quy định tại Điều này có quyền xem xét, tra cứu, trích lục thông tin cần thiết theo quyết định của Tòa án, Trọng tài trước hoặc trong quá trình khởi kiện.	Sửa đổi theo Điều 166. "Quyền khởi kiện đối với thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Tổng giám đốc" của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 Và Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14

CÔNG TY CỔ PHẦN **TÂN CẢNG QUY NHƠN** Số: 30/TTr-HĐQT	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *Bình Định, ngày 31 tháng 3 năm 2021*

TỜ TRÌNH

V/v Sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị công ty

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;

Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Tân cảng Quy Nhơn đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

Căn cứ Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty Cổ phần Tân cảng Quy Nhơn đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị công ty như sau:

- Trên cơ sở rà soát Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Hội đồng quản trị nhận thấy một số điều khoản tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty hiện hành cần được xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với quy định pháp luật hiện hành.

- Nội dung chi tiết các điểm sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị công ty được trình bày tại Phụ lục đính kèm Tờ trình này. Ngoài ra, các nội dung của Quy chế nội bộ về quản trị công ty hiện hành được chỉ dẫn là "theo quy định tại điểm, khoản, điều của Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13/Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11" được sửa đổi chỉ dẫn là "theo quy định của Luật Doanh nghiệp hiện hành/Luật Chứng khoán hiện hành".

- Các quy định của Quy chế nội bộ về quản trị công ty được sửa đổi, bổ sung có hiệu lực áp dụng từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.

Nơi nhận: - Đại hội đồng cổ đông; - Lưu TCHC.	**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ** **CHỦ TỊCH** CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG QUY NHƠN **Nguyễn Hữu Phúc**

PHỤ LỤC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Kèm theo Tờ trình số 30 /TTr-HĐQT ngày 31 tháng 3 năm 2021

Nội dung Quy chế nội bộ về quản trị công ty hiện hành	Đề nghị sửa đổi, bổ sung	Lý do
1. Sửa đổi các Căn cứ		Sửa đổi theo quy định pháp luật hiện hành
Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014; Căn cứ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/06/2006; Luật sửa đổi, bổ sung số 62/2010/QH12 ngày 24/11/2010;	Căn cứ Luật Doanh nghiệp 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020; Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;	
2. Sửa đổi khoản 1, Điều 3. "Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông"		Sửa đổi theo Điều 141. "Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông" của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14
Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập khi có quyết định triệu tập và phải lập xong **chậm nhất 30 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông.**	Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được **lập không quá 10 ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông.**	
3. Sửa đổi khoản 1 và bổ sung khoản 3, Điều 4. "Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông"		Sửa đổi theo Điều 143. "Mời họp Đại hội đồng cổ đông" của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 và tham chiếu theo Mẫu Quy chế nội bộ về quản trị công ty kèm theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính
1.Thông báo họp ĐHĐCĐ được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty, Uỷ ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội trong đó nêu rõ đường dẫn toàn bộ tài liệu họp. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 10 ngày trước khi khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí). Chương trình họp ĐHĐCĐ, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại Đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng tải trên trang thông tin điện tử Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp ĐHĐCĐ, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm: …	1.Thông báo họp ĐHĐCĐ được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty, Uỷ ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội trong đó nêu rõ đường dẫn toàn bộ tài liệu họp. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước khi khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí). Chương trình họp ĐHĐCĐ, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại Đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng tải trên trang thông tin điện tử Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp ĐHĐCĐ, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm: … 3. Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông: Quy định chi	

Nội dung Quy chế nội bộ về quản trị công ty hiện hành	Đề nghị sửa đổi, bổ sung	Lý do
	tiết tại Điều 20. "Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông" của Điều lệ Công ty.	
4. Sửa đổi, bổ sung Điều 5. "Cách thức đăng ký tham dự ĐHĐCĐ" thành Điều 5. "Cách thức đăng ký tham dự, điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông và điều kiện để nghị quyết được thông qua"		Sửa đổi theo Điều 145. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 và tham chiếu theo Mẫu Quy chế nội bộ về quản trị công ty kèm theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính
Điều 5. Cách thức đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông Trước khi khai mạc cuộc họp, phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.	**Điều 5. Cách thức đăng ký tham dự, điều kiện tiến hành họp và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua** 1. Cách thức đăng ký tham dự họp: Trước khi khai mạc cuộc họp, phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết. 2. Điều kiện tiến hành họp: Quy định chi tiết tại Điều 25. "Điều kiện tiến hành họp đại hội đồng cổ đông" của Điều lệ Công ty. 3. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua: Quy định chi tiết tại Điều 27. "Thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông" của Điều lệ Công ty.	
5. Sửa đổi điểm a, khoản 1, Điều 13. "Ứng cử, đề cử và cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị"		Sửa đổi theo Điều 115. "Quyền của cổ đông phổ thông" của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14
a) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất 06 (sáu) tháng gần nhất có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị.	a) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị.	
6. Sửa đổi Điều 41. "Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi"		Sửa đổi theo Điều 41. "Nội dung quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng" của Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14
Thực hiện theo quy định tại Điều 24, 25, 26 và 27 Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017.	Thực hiện theo quy định của Luật Chứng khoán hiện hành.	

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG QUY NHƠN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 31/TTr-HĐQT	*Bình Định, ngày 31 tháng 3 năm 2021*

TỜ TRÌNH

V/v thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;

Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Tân cảng Quy Nhơn đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

Căn cứ Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty Cổ phần Tân cảng Quy Nhơn đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định về quản trị công ty áp dụng cho Công ty đại chúng.

Chi tiết nội dung Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị dự thảo đính kèm.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG QUY NHƠN

Nguyễn Hữu Phúc

Nơi nhận:
- Đại hội đồng cổ đông;
- Lưu TCHC.

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG QUY NHƠN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: /QC-HĐQT	*Bình Định, ngàytháng 04 năm 2021*

DỰ THẢO

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Căn cứ Luật Chứng khoán hiện hành; Luật Doanh nghiệp hiện hành;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Tân cảng Quy Nhơn;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 27 tháng 4 năm 2021.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Tân cảng Quy Nhơn ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị bao gồm các nội dung sau:

CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị (HĐQT) và các thành viên HĐQT nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho HĐQT, các thành viên HĐQT.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của HĐQT

1. HĐQT làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của HĐQT chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của HĐQT đối với sự phát triển của Công ty.

2. HĐQT giao trách nhiệm cho Giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT.

CHƯƠNG II: THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên HĐQT

1. Thành viên HĐQT có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.

2. Thành viên HĐQT có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ công ty và các nghĩa vụ sau:

a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;

b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;

c) Báo cáo kịp thời, đầy đủ với HĐQT các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;

d) Báo cáo HĐQT tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty với thành viên HĐQT và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên HĐQT là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

đ) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên HĐQT: Theo quy định tại

Điều 37. “Quyền được cung cấp thông tin của thành viên HĐQT” của Điều lệ Công ty.

Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên HĐQT: Theo quy định tại Điều 32. “Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị” của Điều lệ Công ty.

Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên HĐQT: Theo quy định tại Điều 33. “Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị” của Điều lệ Công ty.

Điều 7. Chủ tịch HĐQT: Theo quy định tại Điều 34. “Chủ tịch Hội đồng quản trị” của Điều lệ Công ty.

Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên HĐQT: Theo quy định tại Điều 38. “Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị” của Điều lệ Công ty.

Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT

Theo quy định tại Điều 13.“Ứng cử, đề cử và cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị” của Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên HĐQT, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên HĐQT phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên HĐQT. Thông tin liên quan đến ứng cử viên HĐQT được công bố bao gồm:

a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

b) Trình độ chuyên môn;Quá trình công tác;

c) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh HĐQT của công ty khác);

d) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;

e) Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên HĐQT, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên HĐQT (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

CHƯƠNG III: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT: Theo quy định tại Điều 31. “Hội đồng quản trị” của Điều lệ Công ty.

Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của HĐQT trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch: Theo quy định tại khoản 1 và 2, Điều 43. “Hợp đồng, giao dịch phải được đại hội đồng cổ đông hoặc hội đồng quản trị chấp thuận”của Điều lệ Công ty.

Điều 13. Trách nhiệm của HĐQT trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường: Theo quy định tại khoản 3, 4, 7 và 8, Điều 20. “Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông”của Điều lệ Công ty.

CHƯƠNG IV: CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 14. Cuộc họp HĐQT: Theo quy định tại Điều 35. “Cuộc họp Hội đồng quản trị”của Điều lệ Công ty.

Điều 15. Biên bản họp HĐQT: Theo quy định tại Điều 36. “Biên bản họp Hội đồng quản trị”của Điều lệ Công ty.

CHƯƠNG V: BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH

Điều 16. Trình báo cáo hằng năm: Theo quy định tại Điều 55. "Chế độ báo cáo" của Điều lệ Công ty.

Điều 17. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên HĐQT: Theo quy định tại Điều 40. "Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên HĐQT, giám đốc" của Điều lệ Công ty.

Điều 18. Công khai các lợi ích liên quan: Theo quy định tại Điều 41. "Công khai các lợi ích liên quan" của Điều lệ Công ty.

CHƯƠNG VI: MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 19. Mối quan hệ giữa các thành viên HĐQT

1. Quan hệ giữa các thành viên HĐQT là quan hệ phối hợp, các thành viên HĐQT có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.

2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên HĐQT được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên HĐQT khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên HĐQT còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch HĐQT xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên HĐQT theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và Quy chế này.

3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên HĐQT thì các thành viên HĐQT phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch HĐQT về việc bàn giao đó.

Điều 20. Mối quan hệ với ban điều hành: Với vai trò quản trị, HĐQT ban hành các nghị quyết để Giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, HĐQT kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết.

Điều 21. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát

1. Mối quan hệ giữa HĐQT và Ban Kiểm soát là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa HĐQT với Ban Kiểm soát theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.

2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban Kiểm soát, HĐQT có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

CHƯƠNG VII: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 22. Hiệu lực thi hành: Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Tân cảng Quy Nhơn bao gồm 7 chương, 22 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 27 tháng 04 năm 2021.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG QUY NHƠN

PHIẾU BIỂU QUYẾT

(Tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021)

Họ và tên cổ đông/người được ủy quyền :
Mã cổ đông/người được ủy quyền :
Số phiếu biểu quyết : phiếu

CÁC NỘI DUNG BIỂU QUYẾT :

- Cổ đông tán thành tất cả các nội dung biểu quyết thì đánh dấu "X" vào ô này ☐

- Cổ đông chọn một trong ba phương án biểu quyết: "Tán thành", "Không tán thành" hoặc "Không có ý kiến" thì đánh dấu chéo (X) vào một trong ba ô dòng dưới của từng nội dung.

1. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2020 và kế hoạch năm 2021
☐ Tán thành ☐ Không tán thành ☐ Không có ý kiến

2. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2020 và kế hoạch năm 2021
☐ Tán thành ☐ Không tán thành ☐ Không có ý kiến

3. Quy chế làm việc của Ban kiểm soát theo Tờ trình số 25/TTr-BKS
☐ Tán thành ☐ Không tán thành ☐ Không có ý kiến

4. Lựa chọn công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021 theo Tờ trình số 26/TTr-BKS
☐ Tán thành ☐ Không tán thành ☐ Không có ý kiến

5. Báo cáo của Ban giám đốc về kết quả kinh doanh năm 2020 và kế hoạch năm 2021
☐ Tán thành ☐ Không tán thành ☐ Không có ý kiến

6. Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán
☐ Tán thành ☐ Không tán thành ☐ Không có ý kiến

7. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2020 theo Tờ trình số 28/TTr-HĐQT
☐ Tán thành ☐ Không tán thành ☐ Không có ý kiến

8. Thù lao HĐQT và BKS năm 2021 theo Tờ trình số 28/TTr-HĐQT
☐ Tán thành ☐ Không tán thành ☐ Không có ý kiến

9. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty theo Tờ trình số 29/TTr-HĐQT
☐ Tán thành ☐ Không tán thành ☐ Không có ý kiến

10. Sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị công ty theo Tờ trình số 30/TTr-HĐQT
☐ Tán thành ☐ Không tán thành ☐ Không có ý kiến

11. Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị theo Tờ trình số 31/TTr-HĐQT
☐ Tán thành ☐ Không tán thành ☐ Không có ý kiến

Bình Định, ngày 27 tháng 4 năm 2021
CỔ ĐÔNG/ĐẠI DIỆN CỔ ĐÔNG
(ký tên, ghi rõ họ tên)

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG QUY NHƠN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DỰ THẢO

BIÊN BẢN CUỘC HỌP

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG QUY NHƠN

1. Tên công ty: Công ty Cổ phần Tân cảng Quy Nhơn

2. Địa chỉ: 03 Nguyễn Dữ, P. Hải Cảng, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 4100694020 do Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp lần ba ngày 13/7/2020.

4. Thời gian và địa điểm họp: Cuộc họp bắt đầu vào lúc 07h45 ngày 27/4/2021, tại Tầng 8, Khách sạn Sài Gòn Quy Nhơn, 24 Nguyễn Huệ, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

PHẦN I: KHAI MẠC CUỘC HỌP

1. Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông:

Ông Trần Hữu Hiếu báo cáo Đại hội về kết quả kiểm tra tư cách cổ đông dự họp. Tại thời điểm 08h00 ngày 27/4/2021 có …Cổ đông và đại diện được ủy quyền dự họp, đại diện ….. cổ phần, chiếm…..% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Tân cảng Quy Nhơn, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty Cổ phần Tân cảng Quy Nhơn (sau đây gọi tắt là Đại hội) đủ điều kiện tiến hành.

2. Tuyên bố lý do cuộc họp và phát biểu khai mạc:

Ban tổ chức tuyên bố lý do cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

Giới thiệu thành phần tham dự họp: Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty Cổ phần Tân cảng Quy Nhơn theo quy định của pháp luật, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban giám đốc Công ty.

Ông Nguyễn Hữu Phúc – Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty phát biểu khai mạc cuộc họp.

3. Thông qua chương trình và Quy chế làm việc tại cuộc họp:

Ông Phạm Văn Thành – Thành viên HĐQT/Giám đốc Công ty, trình Đại hội Chương trình và Quy chế làm việc tại cuộc họp.

Chương trình và Quy chế làm việc đã được Đại hội thông qua bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết với tỷ lệ …..% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại cuộc họp.

4. Thông qua danh sách Đoàn chủ tịch, Thư ký và Ban kiểm phiếu:

Ông Phạm Văn Thành – Thành viên HĐQT/Giám đốc Công ty thay mặt Hội đồng quản trị trình Đại hội Tờ trình số 22/TTr-HĐQT ngày 31/3/2021về danh sách Đoàn chủ tịch, Thư ký và Ban kiểm phiếu tại cuộc họp.

Đoàn Chủ tịch:

- Ông Nguyễn Hữu Phúc	- Chủ tịch HĐQT	- Chủ tọa
- Ông Nguyễn Tín Dân	- Thành viên HĐQT	- Thành viên
- Ông Phạm Văn Thành	- Thành viên HĐQT/Giám đốc	- Thành viên

Thư ký Đại hội:

- Ông Mai Quang Cường	- Kế toán trưởng	- Thư ký cuộc họp

Ban kiểm phiếu:

- Ông Võ Văn Nhanh	- P.TP KD & ĐĐKT	- Trưởng ban
- Ông Tống Khánh Trình	- Điều độ viên	- Thành viên
- Ông Trần Duy Thắng	- Điều độ viên	- Thành viên

Danh sách Đoàn chủ tịch, Thư ký và Ban kiểm phiếu đã được Đại hội thông qua bằng hình thức giơ thẻ biểu quyết với tỷ lệ ….% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại cuộc họp.

PHẦN II: CÁC BÁO CÁO VÀ TỜ TRÌNH TẠI CUỘC HỌP

1. Báo cáo của Hội đồng quản trị

Thay mặt Hội đồng quản trị, Ông Nguyễn Tin Dân – Thành viên HĐQT trình bày Báo cáo của Hội đồng quản trị số 23/BC-HĐQT ngày 31/3/2021 về kết quả hoạt động năm 2020 và kế hoạch năm 2021.

2. Báo cáo và các Tờ trình của Ban kiểm soát

Thay mặt Ban kiểm soát, Ông Nguyễn Kim Toàn – Trưởng Ban kiểm soát trình bày:

- Báo cáo của Ban kiểm soát số 24/BC-BKS ngày 31/3/2021về kết quả hoạt động năm 2020 và kế hoạch năm 2021;

- Tờ trình số 25/TTr-BKS về việc thông qua Quy chế làm việc của Ban kiểm soát;

- Tờ trình số 26/TTr-BKS về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021;

3. Báo cáo của Ban giám đốc

Ông Phạm Văn Thành – Thành viên HĐQT/Giám đốc Công ty trình bày Báo cáo của Ban giám đốc số 27/BC-QSP ngày 31/3/2021 về kết quả kinh doanh năm 2020 và kế hoạch năm 2021.

4. Báo cáo tài chính năm 2020.

Ông Phạm Văn Thành – TV HĐQT/Giám đốc Công ty trình bày Báo cáo tài chính năm 2020 đã được Công ty TNHH Kiểm toán – Tư vấn Đất Việt kiểm toán.

5. Các Tờ trình của HĐQT tại cuộc họp:

Ông Phạm Văn Thành thay mặt HĐQT trình bày các Tờ trình của HĐQT:

- Tờ trình số 28/TTr-HĐQT ngày 31/3/2021 về việc phê duyệt phương án phân phối lợi nhuận năm 2020 và thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2021;

- Tờ trình số 29/TTr-HĐQT ngày 31/3/2021 về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;

- Tờ trình số 30/TTr-HĐQT ngày 31/3/2021 về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị công ty;

- Tờ trình số 31/TTr-HĐQT ngày 31/03/2021 về việc thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.

PHẦN III: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THẢO LUẬN

PHẦN IV: BIỂU QUYẾT CÁC NỘI DUNG CỦA ĐẠI HỘI

Ban kiểm phiếu hướng dẫn cổ đông thủ tục biểu quyết các nội dung.

Ban kiểm phiếu làm việc theo Quy chế làm việc đã được Đại hội thông qua, thu Phiếu biểu quyết và tiến hành kiểm phiếu. Kết quả biểu quyết như sau:

Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại cuộc họp trước khi biểu quyết là:….cổ phần

Tổng số Phiếu phát ra: …Phiếu

Tổng số Phiếu thu về: …Phiếu

Số Phiếu thu về hợp lệ: …Phiếu

TT	Nội dung biểu quyết	Đồng ý		Không đồng ý		Không ý kiến	
		Cổ phần	Tỷ lệ (%)	Cổ phần	Tỷ lệ (%)	Cổ phần	Tỷ lệ (%)
1	Báo cáo của HĐQT số 23/BC-HĐQT ngày 31/3/2021 về kết quả hoạt động năm 2020 và kế hoạch năm 2021						
2	Báo cáo của Ban kiểm soát số 24/BC-BKS ngày 31/3/2021về kết quả hoạt động năm 2020 và kế hoạch năm 2021						
3	Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát theo Tờ trình số 25/TTr-BKS ngày 31/3/2021						
4	Lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021 theo Tờ trình số 26/TTr-BKS ngày 31/3/2021						
5	Báo cáo của Ban giám đốc số 27/BC-QSP ngày 31/3/2021 về kết quả kinh doanh năm 2020 và kế hoạch năm 2021						
6	Báo cáo tài chính năm 2020 đã kiểm toán						
7	Phương án phân phối lợi nhuận năm 2020 theo Tờ trình số 28/TTr-HĐQT ngày 31/3/2021						
8	Thù lao của HĐQT và BKS theo Tờ trình số 28/TTr-HĐQT ngày 31/3/2021						
9	Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty theo Tờ trình số 29/TTr-HĐQT ngày 31/3/2021						
10	Sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị công ty theo Tờ trình số 30/TTr-HĐQT ngày 31/3/2021						
11	Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị theo Tờ trình số 31/TTr-HĐQT ngày 31/3/2021						

Ghi chú: - Cổ phần: Số Cổ phần biểu quyết cho từng nội dung.
- Tỷ lệ: Cổ phần biểu quyết/tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại cuộc họp.

PHẦN V: CÁC THỦ TỤC KẾT THÚC CUỘC HỌP

1. Biên bản này được Thư ký cuộc họp ghi lại đầy đủ và trung thực, gồm 04 trang, được lập thành 02 bản có giá trị pháp lý như nhau.

Toàn văn Biên bản này và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 Công ty Cổ phần Tân cảng Quy Nhơn đã được Thư ký cuộc họp đọc và được Đại hội thông qua với tỷ lệ biểu quyết đồng ý là …% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại cuộc họp.

2. Ông Nguyễn Hữu Phúc thay mặt ban tổ chức phát biểu cảm ơn và tuyên bố bế mạc cuộc họp.

Phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 Công ty Cổ phần Tân cảng Quy Nhơn kết thúc lúc10h30 cùng ngày.

	TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
THƯ KÝ CUỘC HỌP	**CHỦ TỌA**
Mai Quang Cường	**Nguyễn Hữu Phúc**

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG QUY NHƠN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 01/NQ-ĐHĐCĐ	*Bình Định, ngày 27 tháng 4 năm 2021*

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG QUY NHƠN

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;

Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Tân cảng Quy Nhơn đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty Cổ phần Tân cảng Quy Nhơn ngày 27/4/2021.

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Thống nhất các báo cáo, như sau:

1. Báo cáo của Hội đồng quản trị số 23/BC-HĐQT ngày 31/3/2021 về kết quả hoạt động năm 2020 và kế hoạch năm 2021;

2. Báo cáo của Ban Kiểm soát số 24/BC-BKS ngày 31/3/2021 về kết quả hoạt động năm 2020 và kế hoạch năm 2021;

3. Báo cáo của Ban Giám đốc số 27/BC-QSP ngày 31/3/2021 về kết quả kinh doanh năm 2020 và kế hoạch năm 2021. Các chỉ tiêu chính về kế hoạch kinh doanh năm 2020, như sau:

- Tổng doanh thu:	41,697 tỷ đồng
- Tổng chi phí:	12,169 tỷ đồng
- Lợi nhuận sau thuế:	28,033 tỷ đồng
- Tỷ lệ chi trả cổ tức bằng tiền:	≥ 16%

4. Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán.

Điều 2. Phê duyệt phương án phân phối lợi nhuận năm 2020, như sau:

- Trích lập quỹ đầu tư phát triển:	8.022.963.687 đồng
- Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi:	731.742.489 đồng
- Chi trả cổ tức bằng tiền với tỷ lệ 17%: *(01 cổ phiếu được nhận 1.700 đồng)*	18.346.867.500 đồng

Điều 3. Phê duyệt thù lao Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát năm 2021:

- Chủ tịch Hội đồng quản trị:	4 triệu đồng/tháng
- Thành viên HĐQT:	2,6 triệu đồng/người/tháng
- Trưởng Ban Kiểm soát:	1,4 triệu đồng/tháng
- Thành viên BKS:	0,75 triệu đồng/người/tháng

Điều 4. Phê duyệt Công ty TNHH Kiểm toán – Tư vấn Đất Việt kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021.

Trong trường hợp đàm phán hợp đồng kiểm toán với Công ty TNHH Kiểm toán – Tư vấn Đất Việt không thành công thì Hội đồng quản trị được chọn một Công ty có tên trong danh sách các Công ty đủ điều kiện kiểm toán do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước công bố để thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021.

Điều 5. Thống nhất việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty và sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

- Nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty theo Tờ trình số 29/TTr-HĐQT ngày 31/3/2021 của Hội đồng quản trị.

- Nội dung sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị công ty theo Tờ trình số 30/TTr-HĐQT ngày 31/3/2021 của Hội đồng quản trị.

Điều 6. Thông qua Quy chế hoạt động của Hội động quản trị và Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát.

- Nội dung Quy chế hoạt động của Hội động quản trị kèm theo Tờ trình số 31/TTr-HĐQT ngày 31/3/2021 của Hội đồng quản trị.

- Nội dung Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát kèm theo Tờ trình số 25/TTr-BKS ngày 31/3/2021 của Ban kiểm soát.

Điều 7. Điều khoản thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày 27/4/2020, Đại hội đồng cổ đông giao Hội đồng quản trị Công ty tổ chức triển khai thực hiện.

Nghị quyết này đã được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Tân cảng Quy Nhơn thông qua toàn văn tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 ngày 27/4/2021 với tỷ lệ biểu quyết tán thành là ….% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại cuộc họp.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA

Nơi nhận:
- Cổ đông Công ty;
- TV HĐQT, BKS;
- Ban Điều hành Công ty;
- Công bố thông tin;
- Lưu TC-HC; HĐQT.

Nguyễn Hữu Phúc